

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2019

DỰ THẢO BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 2020 của ngành Xây dựng

Trong năm 2019, toàn Ngành Xây dựng đã nỗ lực, cố gắng cao độ thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm, đạt được nhiều chuyển biến tích cực, kết quả quan trọng. Ước tốc độ tăng trưởng của toàn Ngành đạt 9% - 9,2%. Sau đây là khái quát tình hình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm của ngành Xây dựng năm 2020:

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2019

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

Ngay sau khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán Ngân sách nhà nước năm 2019, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021; Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 41/QĐ-BXD ngày 18/01/2019 ban hành Chương trình hành động để triển khai, trong đó đã xác định rõ những bút phá để phát triển trong từng lĩnh vực cùng với các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phân công rõ đơn vị chủ trì, tiến độ, thời gian hoàn thành; đồng thời Bộ cũng đã xây dựng kịch bản tăng trưởng năm 2019 của ngành Xây dựng.

Các nhóm nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đã được Bộ Xây dựng tập trung chỉ đạo các đơn vị thực hiện trong năm 2019 như sau:

(1) Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế và các công cụ quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng ban hành các văn bản QPPL với quan điểm chỉ đạo xuyên suốt là *“Đảm bảo đổi mới trong tư duy, phù hợp với thực tiễn, không được có biểu hiện lợi ích nhóm, cục bộ, lợi ích Ngành; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý”*.

(2) Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh; rà soát, trình Chính phủ bãi bỏ, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là các thủ tục liên quan đến đầu tư xây dựng.

(3) Tập trung đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các Đề án: Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng, Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng; Đẩy mạnh xử lý tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy điện, hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng; Nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng phục vụ các công trình ven biển và hải đảo;

Xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung ngay các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức, đơn giá còn thiếu hoặc đã bộc lộ rõ những bất cập, không còn phù hợp, cản trở thực tiễn.

(4) Tập trung triển khai các nhóm nhiệm vụ, giải pháp tại Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấn chỉnh công tác quy hoạch, quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt; Chỉ thị số 11/CT-TTg về một số giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh.

Trong năm 2019, Bộ Xây dựng đã thành lập 23 đoàn kiểm tra về thực hiện pháp luật về quy hoạch, nhà ở và bất động sản (15 đoàn về quy hoạch, 08 đoàn về nhà ở và BĐS) để chấn chỉnh, hướng dẫn các địa phương thực hiện. Qua kiểm tra đã phát hiện các tồn tại, bất cập và có văn bản tổng hợp, thông báo địa phương để chỉ đạo, xử lý, khắc phục.

(5) Theo dõi sát diễn biến tình hình, tập trung triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp nhằm thúc đẩy, giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành Xây dựng, nhất là trong các hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển nhà và đô thị, sản xuất vật liệu xây dựng, nỗ lực phấn đấu đạt và vượt mức các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra trong năm 2019 của toàn ngành Xây dựng. Tập trung tái cơ cấu, nâng cao năng lực các doanh nghiệp ngành Xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

(6) Tổ chức tổng kết đánh giá tình hình thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm, giai đoạn 2011-2020 và kế hoạch 05 năm 2016-2020 của ngành Xây dựng, xây dựng các Báo cáo chuyên đề phục vụ xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 và Văn kiện Đại hội XIII.

Nhìn chung, trong năm 2019, công tác lãnh đạo, chỉ đạo đã thể hiện tính chủ động, tập trung; đã chú trọng nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương, tác phong, lề lối làm việc, tinh thần, đạo đức, trách nhiệm công vụ của các cán bộ. Công tác phối hợp với các Bộ, ban, ngành và địa phương cũng được quan tâm hơn, duy trì thường xuyên và bảo đảm kịp thời.

Các nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao đã được Bộ Xây dựng tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, cơ bản kịp thời, số lượng nhiệm vụ quá hạn rất ít, các đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao đã nhanh hơn, chất lượng văn bản tốt hơn; gắn kết và phối hợp với các đơn vị liên quan tốt hơn. Tính đến ngày 01/12/2019, Bộ Xây dựng được giao 214 nhiệm vụ, đã hoàn thành 159/214 nhiệm

vụ (chiếm 74%), đang thực hiện 55/214 nhiệm vụ (chủ yếu là các nhiệm vụ không có thời hạn, thời hạn sang năm 2020 hoặc đang chờ văn bản hướng dẫn,...), không có nhiệm vụ nào quá hạn. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện, có một số nhiệm vụ có thời hạn trả lời gấp, hạn rất ngắn dẫn đến chất lượng, tiến độ chưa được đảm bảo; một số nhiệm vụ giao cho các Bộ, ngành thực hiện còn trùng lặp tại nhiều văn bản chỉ đạo dẫn đến phải thực hiện báo cáo nhiều lần một nội dung.

Các báo cáo chuyên đề phục vụ các Đoàn giám sát của Quốc hội, báo cáo thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các nội dung chất vấn, các kiến nghị của cử tri và văn bản chất vấn của các Đại biểu, Đoàn Đại biểu Quốc hội gửi đến cũng đã được Bộ tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, kịp thời đảm bảo chất lượng, tiến độ. Trong năm 2019, Bộ Xây dựng đã thực hiện 13 báo cáo giám sát chuyên đề, trả lời 158 kiến nghị cử tri.

Công tác thông tin và truyền thông tiếp tục được đẩy mạnh. Các hoạt động của ngành Xây dựng và những vấn đề dư luận quan tâm đã được Bộ chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU CỦA NGÀNH

Ước thực hiện năm 2019, hầu hết chỉ tiêu chủ yếu đề ra đều thực hiện đạt so với kế hoạch (trong số 08 chỉ tiêu, chỉ có 01 chỉ tiêu “Nhà ở xã hội” không đạt), cụ thể:

- Hoạt động xây dựng tăng trưởng đạt khoảng 9 - 9,2% so với cùng kỳ năm 2018¹.

- Tỷ lệ đô thị hóa cả nước đạt khoảng 39,2% (tăng 0,8% so với năm 2018).

- Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 88% (tăng 2% so với 2018).

- Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải tại đô thị đạt khoảng 86 - 86,5%, tương đương năm 2018.

- Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch giảm còn khoảng 20% (giảm 1,5% so với 2018).

- Tổng diện tích nhà ở tăng thêm khoảng 50 triệu m² sàn, trong đó nhà xã hội có 4.110 căn với tổng diện tích 205.000 m² sàn (chỉ tiêu kế hoạch là 50.000 căn với tổng diện tích 2.500.000 m² sàn).

- Tổng sản lượng xi măng tiêu thụ khoảng 98 triệu tấn; đạt kế hoạch và tăng 3 triệu tấn so với cùng kỳ năm 2018.

- Gạch xây: 26 tỷ viên (QTC) đạt kế hoạch và tương đương so với cùng kỳ năm 2018, trong đó gạch nung: 20 tỷ viên (QTC), gạch không nung: 6 tỷ viên (QTC).

¹ Theo nguồn số liệu của Tổng cục Thống kê: Giá trị SX ngành Xây dựng (theo giá hiện hành) trong 9 tháng đầu năm đạt khoảng 1.061,4 nghìn tỷ; Giá trị SX ngành Xây dựng theo giá so sánh khoảng 771 nghìn tỷ đồng

III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC CHỦ YẾU

1. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế tiếp tục được tập trung đẩy mạnh, hoàn thiện theo hướng tạo lập môi trường pháp lý hoàn chỉnh thống nhất, phục vụ tốt nhất thực tiễn.

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản QPPL năm 2019 của Bộ Xây dựng có tổng số 32 nhiệm vụ (trong đó xin rút 02 nhiệm vụ²) và các nhiệm vụ thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, chuyển tiếp trong Chương trình năm 2018 (13 nhiệm vụ), đến nay Bộ Xây dựng đã hoàn thành, trình 26 nhiệm vụ (02 dự án Luật, 05 Nghị định³, 01 Nghị quyết, 08 Quyết định⁴, 02 Chỉ thị⁵, ban hành theo thẩm quyền 08 Thông tư⁶), 01 nhiệm vụ tích hợp⁷, đang gấp rút hoàn thành 16 nhiệm vụ (04 Quyết định, 12 Thông tư). Một số kết quả cụ thể như sau:

2 (1) Chương trình phát triển hệ thống đô thị gắn với khu kinh tế cửa khẩu và khu vực biên giới; (2) Đề án thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong ngành Xây dựng.

3 Gồm 04 Nghị định đã được ban hành: (1) Nghị định số 30/2019/NĐ-CP ngày 28/3/2019 về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; (2) Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; (3) Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; (4) Nghị định số 95/2019/NĐ-CP ngày 16/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP về quản lý vật liệu xây dựng; 01 Nghị định đang trình ban hành: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật (tại Tờ trình số 58/TTr-BXD ngày 30/8/2019), đã tiếp thu, giải trình ý kiến của thành viên Chính phủ.

4 Trong đó có 05 Quyết định được ban hành: (1) Số 126/QĐ-TTg ngày 25/01/2019 về việc phê duyệt đề án phát triển vật liệu xây dựng phục vụ các công trình ven biển và hải đảo đến năm 2025; (2) Số 359/QĐ-TTg ngày 02/4/2019 Ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng; (3) Số 1037/QĐ-TTg ngày 16/8/2019 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Kiến trúc; (4) Số 1398/QĐ-TTg ngày 16/10/2019 ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 83/2019/QH14 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV đối với lĩnh vực xây dựng; (5) Số 33/2019/QĐ-TTg ngày 14/11/2019 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo giai đoạn 2011; 03 Quyết định chưa được ban hành: (1) Đề án “An ninh kinh tế trong lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản đảm bảo an sinh xã hội”; (2) Đề án “An ninh kinh tế trong đảm bảo chất lượng, tiến độ các dự án, công trình trọng điểm quốc gia”; (3) Chiến lược phát triển đô thị quốc gia

5 (1) Chỉ thị số 05/CT-TTgCP ngày 01/03/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấn chỉnh công tác Quy hoạch xây dựng, quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt; (2) Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 23/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh.

6 Gồm: (1) Thông tư số 01/2019/TT-BXD về bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch; (2) Thông tư số 02/2019/TT-BXD Hướng dẫn chi tiết về chế độ báo cáo định kỳ; sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; (3) Thông tư số 03/2019/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2017/TT-BXD ngày 30/3/2017 quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình; (4) Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; (5) Thông tư số 05/2019/TT-BXD ngày 10/10/2019 Sửa đổi, bổ sung Phụ lục của Thông tư số 05/2018/TT-BXD ngày 29/6/2018 về hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản làm vật liệu xây dựng; (6) Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 31/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên quan đến quản lý, sử dụng nhà chung cư; (7) Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; (8) Thông tư số 08/2019/TT-BXD ngày 11/11/2019 quy định về giám sát, quản lý chất lượng các công trình được đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư.

7 Chiến lược phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được tích hợp vào Chiến lược phát triển Vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo chỉ đạo tại văn bản số 3921/VPCP-CN ngày 10/5/2019.

- Hoàn thành Dự án Luật Kiến trúc và được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV (ngày 13/6/2019), lần đầu tiên các quy định về quản lý kiến trúc, hành nghề kiến trúc; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiến trúc đã được luật hóa. Bộ đang tập trung xây dựng Nghị định và các văn bản hướng dẫn Luật.

- Hoàn thành Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, trình Quốc hội tại Tờ trình số 366/TTr-CP ngày 28/8/2019 và đã được Quốc hội cho ý kiến ngày 27/11/2019.

- Hoàn thành Báo cáo đánh giá tác động của chính sách nhà ở cho cán bộ, công chức theo tinh thần Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII².

- Hoàn thành, trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Phát triển vật liệu xây dựng phục vụ các công trình ven biển và hải đảo đến năm 2025”; đang trình: Đề án “An ninh kinh tế trong lĩnh vực nhà ở và thị trường bất động sản đảm bảo an sinh xã hội”, Đề án “An ninh kinh tế trong đảm bảo chất lượng, tiến độ các dự án, công trình trọng điểm quốc gia” và Chiến lược phát triển đô thị quốc gia.

- Hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Đề án “Đánh giá sự phát triển thị trường xây dựng, các yếu tố cơ bản tạo ra sự biến động của thị trường, dự báo xu hướng phát triển và đề xuất giải pháp bình ổn, điều tiết và thúc đẩy sự phát triển của các thị trường xây dựng”. Tiếp tục hoàn thiện Đề án “Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Xây dựng”.

- Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được Bộ tiến hành thường xuyên, liên tục. Trong năm 2019: đã công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần năm 2018, gồm 19 văn bản hết hiệu lực toàn bộ⁸ và 13 văn bản hết hiệu lực một phần⁹; đã phối hợp với Bộ Tư pháp rà soát, đề xuất bãi bỏ toàn bộ 03 văn bản QPPL do Chính phủ, Thủ tướng

8 Trong đó: 02 Nghị định hết hiệu lực (Nghị định 180/2007/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng đô thị và Nghị định 121/2013/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở) và 16 Thông tư (số 06/2008/TT-BXD; số 11/2009/TT-BXD; số 01/2010/TT-BXD; số 14/2010/TT-BXD; số 21/2010/TT-BXD; số 15/2014/TT-BXD; số 13/2010/TT-BXD; số 23/2010/TT-BXD; số 04/2012/TT-BXD; số 05/2012/TT-BXD; số 06/2012/TT-BXD; số 09/2012/TT-BXD; số 15/2013/TT-BXD; số 19/2013/TT-BXD; số 02/2014/TT-BXD; số 17/2016/TT-BXD) và 01 Quyết định (số 29/1999/QĐ-BXD).

9 Trong đó: 02 Văn bản Luật (Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13); 07 Nghị định (Số 79/2009/NĐ-CP về quản lý chiếu sáng đô thị; Số 64/2010/NĐ-CP về quản lý cây xanh đô thị; Số 11/2013/NĐ-CP về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Số 24a/2016/NĐ-CP về quản lý vật liệu xây dựng; Số 79/2016/NĐ-CP quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà chung cư, kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; Số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 42/2017/NĐ-CP ngày sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ); 04 Thông tư (số 12/2014/TT-BXD, số 14/2016/TT-BXD, số 24/2016/TT-BXD, số 11/2017/TT-BXD).

Chính phủ ban hành¹⁰. Thực hiện rà soát 235 văn bản năm 2019, trong đó kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới sau rà soát là 87 văn bản và đã xử lý 87 văn bản.

- Đã tổ chức đoàn kiểm tra, nắm bắt tình hình thực hiện pháp luật tại các tỉnh Tuyên Quang, Bình Định, Bình Dương¹¹, đã kịp thời kiến nghị đình chính hoặc xử lý theo quy định đối với các văn bản có sai sót. Bộ Xây dựng cũng đã tự kiểm tra 08 Thông tư ban hành, kết quả cho thấy các Thông tư đều đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đảm bảo thống nhất với các văn bản mới ban hành.

- Thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp: đã tổ chức 124 lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ với 9.287 lượt học viên; đã trả lời, giải đáp, làm rõ 277 kiến nghị, phản ánh vướng mắc của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng tại mục Bạn đọc hỏi - Bộ Xây dựng trả lời trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

2. Công tác cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh và đạt được các kết quả tích cực

2.1. Chỉ số Cấp phép xây dựng tiếp tục được cải thiện và là chỉ số xếp hạng cao nhất trong 10 chỉ số môi trường kinh doanh tại Việt Nam (bằng chỉ số Tiếp cận tín dụng)¹²:

- Đã hoàn thành biên soạn và công bố tài liệu về Chỉ số cấp phép xây dựng và một số định hướng cho Việt Nam.

- Triển khai tổng kết, đánh giá toàn diện công tác cấp phép xây dựng và tình hình thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 13/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện các biện pháp nhằm rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan; đánh giá các mô hình cấp phép mới.

- Phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện khảo sát, đánh giá đối với chỉ số cấp phép xây dựng tại địa phương, đồng thời xây dựng Bộ tiêu chí, thực hiện đánh giá, xếp hạng mức độ cải thiện chỉ số cấp phép xây

¹⁰ Nghị quyết số 06/2004/NQ-CP về một số giải pháp phát triển lành mạnh thị trường bất động sản; Chỉ thị số 43/2004/CT-TTg về chuyển giao nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chỉ thị số 43/2004/CT-TTg về chuyển giao nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

¹¹ Qua kiểm tra các văn bản (73 văn bản) tại các địa phương ban hành từ năm 2015 đến 30/9/2019 phát hiện 03 sai sót về thể thức, kỹ thuật trình bày, 10 văn bản sai sót về nội dung.

¹² Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh của Ngân hàng Thế giới (DB2020): chỉ số Cấp phép xây dựng của Việt Nam vẫn tiếp tục được cải thiện, tăng 0,22% điểm, xếp thứ 3 trong khối các nước ASEAN (chỉ xếp sau Malaysia, Singapore, xếp trên Thái Lan, Lào, Indonesia); Việt Nam được đánh giá là nước có số lượng thủ tục, chi phí thực hiện thấp, kiểm soát chất lượng xây dựng tốt, 03 tiêu chí thành phần của chỉ số Cấp phép xây dựng được đánh giá khá tốt là tiêu chí về số lượng thủ tục, chi phí thực hiện thủ tục và kiểm soát chất lượng xây dựng.

dựng đối với từng địa phương,... Trong thời gian tới, Bộ Xây dựng sẽ tập trung thực hiện một số giải pháp nhằm cải thiện mạnh mẽ chỉ số này¹³.

2.2. Tập trung rà soát, cắt giảm thực chất, đơn giản hóa điều kiện đầu tư kinh doanh, tháo gỡ nút thắt hoạt động đầu tư xây dựng theo tinh thần của Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ:

- Hoàn thành việc rà soát, công bố, đăng tải danh mục các điều kiện đầu tư kinh doanh hiện hành thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ và danh mục các mặt hàng kiểm tra chuyên ngành (kèm theo mã số HS);

- Rà soát, đề xuất bãi bỏ 04 ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện¹⁴ đang được quy định tại Luật Đầu tư và pháp luật chuyên ngành tại dự án Luật Đầu tư (sửa đổi);

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Xây dựng liên quan đến cải thiện môi trường kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí cho doanh nghiệp, phân định trách nhiệm của chủ đầu tư, người quyết định đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước, tăng cường phân cấp cho chính quyền địa phương,...;

- Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa các thủ tục, giải quyết kịp thời các vướng mắc trong công tác thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán, quản lý dự án, cấp chứng chỉ năng lực, cấp phép xây dựng; soạn thảo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về thẩm định dự án, thiết kế xây dựng.

2.3. Tiếp tục triển khai hoạt động của Bộ phận một cửa:

- Công tác tiếp nhận, trả kết quả giải quyết TTHC được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch và đúng quy định; tinh thần, thái độ phục vụ tốt. Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, Bộ phận một cửa, không để xảy ra tình trạng giải quyết thủ tục hành chính quá hạn. Triển khai việc thanh toán điện tử, không dùng tiền mặt trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Trong năm 2019, Bộ phận một cửa đã tiếp nhận 20.970 lượt hồ sơ TTHC, đã giải quyết 20.715 hồ sơ, đang giải quyết 255 hồ sơ (không có hồ sơ giải quyết quá hạn).

13 Bộ Xây dựng đã có báo cáo Chính phủ và đề xuất, kiến nghị: tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật nhằm rút ngắn thời gian cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục liên quan; Nghiên cứu, tiếp cận phương pháp quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư xây dựng; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích,...;

14 Thay bằng hình thức quản lý khác trên cơ sở tham khảo những tiêu chuẩn và thông lệ tốt của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), theo hướng thay thế các điều kiện có tính chất tiền kiểm bằng các tiêu chuẩn, quy định, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, đồng thời áp dụng nguyên tắc quản lý dựa trên rủi ro.

2.4. Tập trung triển khai Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011-2020 và Kế hoạch CCHC nhà nước giai đoạn 2016-2020:

- Bộ Xây dựng đã chủ động ban hành đầy đủ và kịp thời chỉ đạo các đơn vị thực hiện các chương trình, kế hoạch về cải cách hành chính năm 2019: Kế hoạch CCHC năm 2019, Kế hoạch tuyên truyền về CCHC, Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC, Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL), Kế hoạch thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; đã tổ chức thực hiện xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của Bộ¹⁵,...Đã tổ chức hội nghị đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2018, qua đó đã thẳng thắn chỉ ra những tồn tại, hạn chế trong thời gian qua để có những giải pháp tổ chức tốt cho năm 2019.

- Tích cực tuyên truyền hệ thống văn bản QPPL và công tác CCHC trên các phương tiện thông tin, báo chí ngành Xây dựng như: Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng (<http://www.moc.gov.vn>, <http://xaydung.gov.vn>), Báo Xây dựng, Tạp chí Xây dựng,...

2.5. Triển khai Chính phủ điện tử, hiện đại hóa hành chính theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019.

Bộ Xây dựng đã tiến hành nâng cấp hệ thống thư điện tử công vụ cơ quan Bộ Xây dựng; ứng dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử trên Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành; hoàn thiện Cổng dịch vụ công¹⁶, Hệ thống thông tin một cửa điện tử thống nhất, tập trung để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ; ban hành quy trình nội bộ để giải quyết các thủ tục hành chính tại cơ quan Bộ; phối hợp với các địa phương để tiến hành cập nhật thông tin, dữ liệu lên Hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản tại địa chỉ batdongsan.xaydung.gov.vn và Hệ thống thông tin thống kê xây dựng tại địa chỉ thongke.xaydung.gov.vn. Cập nhật thông tin, dữ liệu lên Cổng thông tin công khai quy hoạch đô thị quốc gia, hiện đang vận hành tại địa chỉ quyhoach.xaydung.gov.vn (đến nay các 31/63 địa phương đã cập nhật hơn 160 đồ án quy hoạch được duyệt trên Cổng thông tin).

3. Công tác quản lý hoạt động đầu tư xây dựng ngày càng đi vào nề nếp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp

3.1. Hệ thống công cụ để quản lý, kiểm soát chặt chẽ và nâng cao hiệu quả các hoạt động đầu tư xây dựng tiếp tục được củng cố, hoàn thiện

(1) Tập trung thực hiện “Đề án hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng”:

15 Chỉ số cải cách hành chính năm 2018 của Bộ Xây dựng đạt 79,6 điểm, xếp hạng thứ 15/18 trong các bộ (năm 2017 đạt 72,65 điểm, xếp hạng thứ 16/19).

16 Hệ thống Cổng dịch vụ công đang được vận hành tại địa chỉ: dichvucong.xaydung.gov.vn.

- Đã rà soát, hoàn thành việc lập và trình Thủ tướng Chính phủ Danh mục QCVN lĩnh vực xây dựng theo hướng tích hợp, tinh gọn, đồng bộ và dễ thực hiện; đã rà soát 1.200 tiêu chuẩn quốc gia (trong đó Bộ Xây dựng chiếm khoảng 800 tiêu chuẩn) để xây dựng định hướng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) và danh mục các TCVN cốt lõi về xây dựng (khoảng 150 tiêu chuẩn);

- Phối hợp với các Bộ, ngành tổng điều tra, phân tích, đánh giá hiệu quả và hạn chế của việc sử dụng tiêu chuẩn cơ sở trong các hoạt động xây dựng; đang tiến hành tổng điều tra, phân tích, đánh giá ưu điểm và hạn chế của việc sử dụng tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực đã được áp dụng trong các hoạt động xây dựng để đề xuất định hướng việc áp dụng các tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực trong các hoạt động xây dựng tại Việt Nam;

- Trong năm 2019, đã ban hành 03 Quy chuẩn (về Quy hoạch xây dựng, Nhà chung cư và An toàn cháy cho nhà và công trình) và 49 tiêu chuẩn lĩnh vực địa kỹ thuật và vật liệu xây dựng được ban hành, còn lại 65 tiêu chuẩn đã thẩm định, chờ ban hành.

(2) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án “Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng”:

- Đến nay đã hoàn thành rà soát toàn bộ 14.738 định mức do Bộ Xây dựng công bố, đã loại bỏ 1.005 định mức quá lạc hậu, sửa đổi 3.289 định mức, bổ sung 1.786 định mức; đang thẩm định kết quả rà soát định mức để ban hành các tập định mức áp dụng trên toàn quốc;

- Đã nghiên cứu, ban hành các phương pháp xây dựng hệ thống định mức và giá xây dựng mới. Trình và được Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

(3) Triển khai thực hiện Đề án “Áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng và quản lý vận hành công trình”:

- Tổ chức xây dựng cơ chế, chính sách áp dụng BIM: các tiêu chí về BIM, đánh giá áp dụng BIM; tài liệu chi tiết về nghiệp vụ, hướng dẫn, đào tạo BIM.

- Tổ chức khảo sát kinh nghiệm của một số nước (Anh và Mỹ) trong việc áp dụng BIM và chuyển đổi số ngành Xây dựng; hướng dẫn các dự án thí điểm BIM trong quy trình triển khai thực hiện; mở các khóa đào tạo về BIM.

3.2. Công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế, dự toán của các cơ quan chuyên môn về xây dựng tiếp tục phát huy hiệu quả tích cực. Chất lượng thẩm định ngày càng được nâng cao hơn.

Trong năm 2019, Bộ Xây dựng thẩm định 46 dự án, đã hoàn thành thông báo kết quả 39/46 dự án; thẩm định thiết kế cơ sở 491 công trình, đã hoàn thành 411/491 công trình; đã hoàn thành thẩm định 12/12 Báo cáo kinh tế - kỹ thuật; thẩm định thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở là 386 công trình, đã hoàn thành 335/386 công trình; thẩm định thiết kế và dự toán 37 công trình, đã hoàn thành

32/37 công trình. Tỷ lệ hồ sơ phải trả lại để sửa đổi, bổ sung thiết kế chỉ chiếm 0,4% tổng số hồ sơ đề nghị thẩm định; tỷ lệ cắt giảm chi phí sau khi thẩm định tổng mức đầu tư là 4,38%, dự toán là 2,59%.

Theo báo cáo của 28 địa phương, tổng số hồ sơ trình thẩm định dự án là 1.408 công trình với tổng mức đầu tư là 95.414.725 triệu đồng, giá trị sau thẩm định giảm 3,79%; tổng số hồ sơ trình thẩm định thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng là 11.703 công trình với tổng mức đầu tư là 108.346.698 triệu đồng, giá trị sau thẩm định giảm 4,9%.

Theo báo cáo của 03 Bộ quản lý ngành, tổng số hồ sơ trình thẩm định dự án là 46 công trình với tổng mức đầu tư là 50.424.341 triệu đồng, giá trị sau thẩm định giảm 0,07%; tổng số hồ sơ trình thẩm định thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng là 438 công trình với tổng mức đầu tư là 36.699.301 triệu đồng, giá trị sau thẩm định giảm 4,93%.

3.3. Công tác quản lý cấp phép xây dựng và trật tự xây dựng tiếp tục được tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Các vi phạm trật tự xây dựng có xu hướng giảm đáng kể.

Các địa phương đã chủ động ban hành các quy định về việc thực hiện cấp giấy phép xây dựng, giảm bớt thủ tục khi cấp giấy phép xây dựng. Hiện Bộ đang nghiên cứu, sửa đổi theo hướng đơn giản hơn, thực hiện cơ chế một cửa và tích hợp việc thẩm định thiết kế và cấp giấy phép xây dựng; tăng thêm đối tượng công trình/dự án được miễn giấy phép xây dựng.

Theo báo cáo của 28 địa phương, tổng số công trình khởi công mới trên địa bàn cả nước là 9.555 công trình với tổng mức đầu tư là 168.691.700 triệu đồng¹⁷. Tổng số giấy phép xây dựng do địa phương cấp là 79.176 giấy phép (trong đó nhà ở riêng lẻ: 75.240 giấy phép, công trình/dự án: 3.936 giấy phép). Số công trình vi phạm trật tự xây dựng thông qua công tác thanh tra về trật tự xây dựng là 4.502 (trong đó: 1.988 công trình không phép, 1.510 công trình sai phép và vi phạm khác là 1.004 công trình).

3.4. Công tác quản lý điều kiện năng lực hoạt động xây dựng và cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được thực hiện công khai, minh bạch:

Đã thực hiện tốt việc công khai năng lực của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và các Sở Xây dựng địa phương.

Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố và các Hội, Hiệp hội đã chủ động rà soát, chấn chỉnh công tác xét cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực hoạt động

17 Trong đó công trình dân dụng là 4.505 công trình với tổng mức đầu tư là 10.812.599 triệu đồng, công trình công nghiệp là 206 công trình với tổng mức đầu tư là 123.462.903 triệu đồng, công trình hạ tầng kỹ thuật là 1.458 công trình với tổng mức đầu tư là 13.478.616 triệu đồng, công trình giao thông là 3.472 công trình với tổng mức đầu tư là 14.854.129 triệu đồng, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn là 1.024 công trình với tổng mức đầu tư là 6.083.453 triệu đồng.

xây dựng, đảm bảo công khai, minh bạch, thuận tiện, đúng quy trình, đăng tải đầy đủ thông tin năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân được cấp chứng chỉ lên Trang thông tin điện tử do mình quản lý và tích hợp thông tin lên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức: Tổng số đã cấp từ năm 2017 đến nay là 34.378 chứng chỉ, trong đó năm 2019 Bộ Xây dựng cấp 848 chứng chỉ hạng I và Sở Xây dựng cấp 14.578 chứng chỉ hạng II, III.

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân: Tổng số đã cấp từ năm 2017 đến nay là 80.153 chứng chỉ, trong đó năm 2019 Bộ Xây dựng cấp cho 8.945 cá nhân hạng I, Sở Xây dựng cấp 22.185 và Hiệp hội nghề nghiệp cấp cho 2.470 cá nhân hạng II, III.

- Về cấp giấy phép hoạt động của nhà thầu nước ngoài: Bộ Xây dựng cấp 90 giấy phép cho nhà thầu nước ngoài hoạt động tại Việt Nam nhận thầu các gói thầu thuộc dự án nhóm A.

3.5. Về quản lý chất lượng công trình xây dựng:

Trong năm 2019, trên cả nước có khoảng 18.500 công trình được chấp thuận nghiệm thu đưa vào sử dụng (trong đó có 316 công trình cấp I, 491 công trình cấp II, 7.178 công trình cấp III, 10.516 công trình cấp IV). Tổng số sự cố về công trình xây dựng là 33 sự cố giảm 9% so với cùng kỳ năm 2018, không có sự cố nghiêm trọng cấp I, trong đó có 18 sự cố cấp II (chủ yếu là công trình dân dụng: 10 sự cố), 15 sự cố cấp III.

Trong năm 2019, Bộ Xây dựng đã thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu chất lượng công trình của các Chủ đầu tư theo thẩm quyền 257 đợt, ban hành 357 thông báo và chấp thuận nghiệm thu 180 công trình. Nhìn chung chất lượng các công trình cơ bản đảm bảo, một số tồn tại về hồ sơ pháp lý, hồ sơ quản lý chất lượng cũng như chất lượng thi công đã được nhắc nhở, khắc phục kịp thời.

Trong năm 2019, Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng đã tổ chức kiểm tra, nghiệm thu là 40 công trình; đã kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn các chủ đầu tư xử lý những vấn đề kỹ thuật phát sinh; chất lượng các công trình đã được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo yêu cầu thiết kế, đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật¹⁸.

Hoạt động Giám định tư pháp xây dựng (GĐTPXD) đã có nhiều chuyển biến tích cực, thể chế được hoàn thiện, nhân lực đáp ứng được yêu cầu; các vụ việc giám định cơ bản được giải quyết kịp thời, đặc biệt là vụ việc lớn. Hoạt động rà soát, công nhận các tổ chức giám định đã được đẩy mạnh. Hiện cả nước có 100 tổ chức GĐTPXD, 260 người GĐTPXD theo vụ việc

3.6. Công tác an toàn lao động (ATLĐ) được quan tâm, đẩy mạnh.

¹⁸ Tuy nhiên vẫn còn một số công trình giao thông trọng điểm dễ xảy ra tồn tại, khiếm khuyết như Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, cầu Bạch Đằng, cầu Vàm Cống, Đường cao tốc Bến Lức - Long Thành, mặc dù đã được Hội đồng có văn bản cảnh báo, nhắc nhở nhiều lần nhưng Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan không khắc phục hoặc chưa khắc phục kịp thời dẫn đến xảy ra tồn tại, gây dư luận không tốt trong xã hội.

Đã tổ chức lễ phát động, tổng kết tháng hành động An toàn vệ sinh lao động ngành Xây dựng; tổ chức hội thảo Giải pháp công nghệ tiên tiến để quản lý ATLĐ trong thi công xây dựng công trình; Tổ chức khóa huấn luyện kiểm định kỹ thuật ATLĐ cho máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ sử dụng trong thi công xây dựng công trình. Tiếp tục hoàn thiện các quy trình, tài liệu hướng dẫn liên quan đến ATLĐ. Thực hiện các thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật ATLĐ và Chứng chỉ kiểm định viên cho 7 tổ chức, 82 cá nhân. Trong năm 2019, trên cả nước có 39 sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình; có khoảng 77¹⁹ vụ tai nạn lao động làm 85 người chết, 60 người bị thương.

3.7. Tiếp tục rà soát, xây dựng cơ sở dữ liệu về giá xây dựng, thực hiện công bố chỉ số giá xây dựng trên phạm vi cả nước

- Đã hoàn thành việc soạn thảo, công bố Suất vốn đầu tư xây dựng và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2018;

- Thực hiện công bố chỉ số giá xây dựng trên phạm vi cả nước theo từng quý, năm; có 63 tỉnh, thành phố đã thực hiện công bố chỉ số giá xây dựng trên địa bàn.

4. Công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc được tăng cường, tập trung chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế

- Đã trình và được Chính phủ ban hành Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng, đảm bảo các quy định mới chặt chẽ hơn về việc điều chỉnh quy hoạch.

- Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01/3/2019 về tăng cường chấn chỉnh công tác quy hoạch xây dựng, quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch được duyệt, Bộ cũng đã ban hành Kế hoạch thực hiện chỉ thị này.

- Xây dựng trình Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 83/2019/QH14 về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIV trong đó đã quy định các nhiệm vụ cụ thể của các Bộ, ngành, địa phương để đẩy nhanh tiến độ phù hợp quy hoạch chi tiết, nâng cao chất lượng quy hoạch gắn kết giữa các cấp độ quy hoạch, kiểm soát chặt chẽ việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch.

- Hoàn thành các báo cáo chuyên đề: Báo cáo việc thực hiện chính sách,

¹⁹ Trong đó tỷ lệ số vụ TNLĐ do sự cố công trình chiếm gần 13%; Tỷ lệ số vụ TNLĐ do sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động chiếm 37,6%, Tỷ lệ số vụ TNLĐ do người lao động chiếm 23,4%; tỷ lệ số vụ TNLĐ do do yếu tố khác chiếm 26%.

pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại đô thị từ khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực đến hết năm 2018; Báo cáo về việc quản lý quy hoạch, khai thác quỹ đất đô thị dành cho công trình phúc lợi phục vụ cộng đồng tại các địa phương.

- Hoàn thành việc nghiên cứu, lập và tổ chức thẩm định nhiệm vụ Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 12/2019, đã khớp nối với các Bộ, Ngành liên quan để đảm bảo tiến độ và khả năng tích hợp trong Quy hoạch tổng thể quốc gia.

- Tổ chức thẩm định theo thẩm quyền các nhiệm vụ, đồ án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch; trong năm 2019, đã trình, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 08 nhiệm vụ quy hoạch²⁰, 06 đồ án quy hoạch²¹; đã tổ chức thẩm định 04 nhiệm vụ quy hoạch và 02 đồ án²²; chỉ đạo các địa phương đẩy nhanh tốc độ lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết.

Đến nay, tỷ lệ lập Quy hoạch chung đô thị đạt 100%; Quy hoạch phân khu đạt khoảng 78%; Quy hoạch chi tiết đạt khoảng 39% so với diện tích đất xây dựng đô thị. Có khoảng 26% đô thị đã ban hành Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc. Tỷ lệ số xã có QHXD nông thôn mới trên cả nước đạt khoảng 99% (8926 xã).

- Triển khai Cổng thông tin điện tử về quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị toàn quốc: Bộ Xây dựng đã hướng dẫn, đôn đốc các địa phương đăng tải các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết thuộc thẩm quyền phê duyệt cấp tỉnh, huyện quy định tại Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị lên Cổng thông tin điện tử: quyhoach.xaydung.gov.vn (hiện đã có 31 tỉnh, thành phố cung cấp thông tin trên Cổng thông tin và trên 160 đồ án quy hoạch được đăng tải).

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị toàn quốc Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình trong tháng 10/2019²³; tiếp tục nghiên cứu lập thí điểm quy hoạch xây dựng

20 (1) Nhiệm vụ QHC Đà Nẵng; (2) Nhiệm vụ QH phân khu xây dựng Đại học Đà Nẵng tỷ lệ 1/2000; (3) Nhiệm vụ Điều chỉnh QHCXD Khu kinh tế Vân Đồn; (4) Nhiệm vụ QHC thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; (5) Nhiệm vụ điều chỉnh QHC thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; (6) Nhiệm vụ điều chỉnh QHC thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; (7) Nhiệm vụ QHCXD Khu du lịch quốc gia Mẫu Sơn tỉnh Lạng Sơn; (8) Nhiệm vụ QHCXD khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng.

21 (1) QHCXD khu du lịch quốc gia Mộc Châu, tỉnh Sơn La đến năm 2035; (2) Điều chỉnh QHCXD Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định; (3) Điều chỉnh QHC thành phố Vũng Tàu; (4) Điều chỉnh QHC thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; (5) QHCXD khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình; (6) Điều chỉnh cục bộ QHCXD Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An, tỉnh Nghệ An.

22 04 nhiệm vụ quy hoạch: Nhiệm vụ Điều chỉnh QHCXD Khu kinh tế Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên; (2) Nhiệm vụ QHXD Khu Kinh tế Móng Cái; (3) Nhiệm vụ điều chỉnh QHC Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An; (4) Nhiệm vụ Điều chỉnh QHC thành phố và khu Kinh tế cửa khẩu Hà Tiên; 03 đồ án quy hoạch: (1) QHCXD vùng tỉnh Đắk Nông; (2) QHXD vùng tỉnh Điện Biên; (3) Điều chỉnh QHCXD Khu Kinh tế Vân Đồn.

23 Qua 10 năm thực hiện nhiệm vụ của ngành Xây dựng, quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã trở thành nền tảng, định hướng cho đầu tư phát triển, bảo tồn, phát huy các giá trị riêng, là công cụ quản lý, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội, góp phần tôn tạo, chỉnh trang diện mạo kiến trúc, cảnh quan vùng nông thôn. Tính đến nay, Tỷ lệ xã có quy hoạch chung xây dựng xã đạt 99,7%, trên 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

vùng huyện tại 08 địa phương²⁴; theo dõi, đôn đốc công tác xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Quảng Nam và tỉnh Quảng Ngãi theo sự phân công của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

5. Công tác quản lý phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch và có kế hoạch tiếp tục được đẩy mạnh, từng bước đảm bảo sự phát triển hài hòa, bền vững

5.1. Về phát triển đô thị

Hệ thống đô thị toàn quốc hiện có 835 đô thị (tăng 07 đô thị so với cuối năm 2018), trong đó có 02 đô thị loại đặc biệt, 20 đô thị loại I, 29 đô thị loại II, 44 đô thị loại III, 83 đô thị loại IV và 657 đô thị loại V. Tỷ lệ đô thị hóa đạt ước đạt 39,2% (tăng 0,8% so với năm 2018). Năm 2019 - 2020 là giai đoạn cuối của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2016 - 2021, các địa phương đã quan tâm, tập trung thực hiện công tác đầu tư xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí nâng loại đô thị để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ từ đầu nhiệm kỳ. Trong năm 2019, đã có 20 đô thị được nâng loại, gồm: 01 đô thị loại I, 05 đô thị loại II²⁵; 02 đô thị loại III, 12 đô thị loại IV²⁶.

Các địa phương trên cả nước đã tích cực, chủ động triển khai thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị về sắp xếp đơn vị hành chính, trong đó nhiều đô thị là thành phố, thị xã, thị trấn được đề nghị sáp nhập với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Một số địa phương đã triển khai tổng kết kết quả thực hiện các Kết luận của Bộ Chính trị về công tác phát triển đô thị. Kết quả quá trình triển khai thực hiện các kết luận của Bộ Chính trị, chất lượng hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị tại các địa phương đã có những thay đổi, chuyển biến rõ rệt, tỷ lệ đô thị hóa gia tăng đồng thời đã mở ra nhiều cơ hội phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Tình hình thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tổ chức thẩm định các khu vực phát triển đô thị, các dự án phát triển đô thị theo thẩm quyền²⁷; thẩm định đánh giá trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của các khu vực thành lập phường²⁸; hướng dẫn các địa phương lập, thẩm định, phê duyệt Chương trình phát triển đô thị²⁹; tổng hợp nhu cầu về nâng cấp phát triển đô thị trên cơ sở đề xuất dự án của các tỉnh/thành phố;

- Tập trung nghiên cứu, xây dựng các Chương trình, Đề án về phát triển đô thị

24 Gồm: huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai; huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; huyện Đông Anh, TP Hà Nội; huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; huyện Phong Điền, TP Cần Thơ; huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

25 Thành phố Hải Dương loại I; các thành phố Bến Tre, Hà Tĩnh, Lạng Sơn, Sơn La, Tân An loại II.

26 Các thị xã Sông Cầu, Phổ Yên loại III; Các thị trấn Kinh Môn, Hùng Sơn, Trảng Bom, Long Thành, Đức Phổ, Mộc Châu loại IV.

27 Đã xem xét, thụ lý cho ý kiến 86 dự án, trong đó có 21 dự án chấp thuận đầu tư, 65 dự án chuyển quyền sử dụng đất.

28 Đã thụ lý 28 hồ sơ đánh giá tiêu chuẩn và trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của các khu vực thành lập phường, đã có ý kiến đánh giá 23 hồ sơ, hiện đang trong quá trình thụ lý 5 hồ sơ.

29 Đến nay đã có 42 tỉnh đã lập Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh, 17 tỉnh đang tiến hành lập Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh, còn 03 tỉnh chưa lập Chương trình phát triển đô thị (Điện Biên, Lạng Sơn, Đắk Nông).

và các chương trình, dự án đầu tư nâng cấp đô thị, tăng trưởng xanh, thông minh, ứng phó với biến đổi khí hậu cho giai đoạn 2020 - 2025 và các giai đoạn tiếp theo:

+ Đã hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ Chiến lược phát triển đô thị Quốc gia đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050³⁰; hoàn thành Báo cáo chuyên đề “*Đánh giá quá trình đô thị hóa ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và mục tiêu, nhiệm vụ của giai đoạn 2021-2030, Kế hoạch 5 năm 2021-2025*”;

+ Tiếp tục nghiên cứu Đề án hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và các công cụ để quản lý, kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả quá trình phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch; xây dựng Báo cáo tổng kết Chương trình phát triển quốc gia nhằm đánh giá các chỉ tiêu phát triển hệ thống đô thị đạt được, tình hình phát triển hệ thống đô thị theo danh mục nâng loại đô thị...;

- Tiếp tục triển khai dự án Nâng cấp đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long, dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc thuộc Chương trình nâng cấp đô thị quốc gia³¹, Đề án về phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030³²; Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu; Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh Việt Nam³³.

- Triển khai xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị quốc gia bao gồm: Bộ chỉ tiêu dữ liệu đô thị quốc gia, khung dữ liệu, phần mềm và toàn bộ các tài liệu,

30 Đây là những khung định hướng phát triển hệ thống đô thị thống nhất nhằm mục tiêu quản lý hiệu quả, toàn diện và phù hợp với điều kiện thực tế, đặc trưng của mỗi vùng miền trên cả nước; định hướng phát triển hệ thống đô thị Việt Nam trong giai đoạn 10 năm tiếp theo và tạo cơ sở để các cấp từ Trung ương đến địa phương xây dựng các chính sách, chương trình, kế hoạch, lộ trình ưu tiên tập trung nguồn lực phát triển hệ thống đô thị.

31- Dự án Nâng cấp đô thị vùng Đồng bằng sông Cửu Long có tổng vốn đầu tư là 398 triệu USD, trong đó vốn ODA là 292 triệu USD, vốn đối ứng là 106 triệu USD. Dự án đã kết thúc các hoạt động trong năm 2018 và đã được ân hạn giải ngân đến 31/12/2019. Dự án đã hoàn thành nâng cấp 114/114 khu thu nhập thấp (LIA), khoảng 2 triệu người hưởng lợi, trong đó có 625 nghìn người hưởng lợi trực tiếp và 1.380 triệu người hưởng lợi gián tiếp. Trong năm 2019, Bộ Xây dựng đã phối hợp các Bộ ngành đề nghị bố trí kế hoạch đầu tư công năm 2019 cho các Tiểu dự án và tiếp tục phối hợp hỗ trợ trong công tác đóng dự án.

- Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có tổng vốn đầu tư là 301,856 triệu USD, trong đó vốn ODA là 250 triệu USD, vốn đối ứng là 51,856 triệu USD. Thời gian thực hiện bắt đầu từ năm 2015 đến hết năm 2020. Kết quả đến nay toàn dự án đã trao thầu 95/121 hạng mục công trình và đã hoàn thành 75/121 hạng mục. Trong khuôn khổ Chương trình, Bộ Xây dựng đang tiến hành hỗ trợ nghiên cứu xây dựng Báo cáo Chiến lược triển khai toàn quốc chương trình phát triển đô thị quốc gia cùng với việc lựa chọn các thành phố cho giai đoạn 2, qua đó đề xuất nghiên cứu đầu tư ưu tiên Chương trình thí điểm phát triển đô thị thông minh đồng bằng sông Cửu Long; phối hợp với các địa phương tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển năng lực năm 2019 về các lĩnh vực đô thị tăng trưởng xanh, thông minh....

32 Bộ Xây dựng đã cho ý kiến đối với Đề án đô thị thông minh tại 04 địa phương (Đà Nẵng, Ninh Thuận, Bình Thuận, Gia Lai), thống nhất việc đăng ký thí điểm xây dựng Khu đô thị thông minh Ecopark-Hung Yên; phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ Xây dựng Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam và góp ý Dự thảo bộ chỉ số đánh giá ĐTTM (KPI); Đã tiếp nhận chuyển giao là đầu mối của Việt Nam trong việc tham gia mạng lưới Mạng lưới các thành phố thông minh ASEAN (ASCN) từ Bộ Ngoại giao; đã tham gia Hội nghị thường niên Mạng lưới thành phố thông minh ASEAN; Tham gia Hội nghị cấp cao ASEAN – Nhật Bản, ASEAN – Hàn Quốc về đô thị thông minh.

33 Đã phối hợp với Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu tại Việt Nam (GGGI) tổ chức lập Báo cáo đánh giá đô thị tăng trưởng xanh tại các đô thị Trà Vinh, Đà Lạt, Yên Bái, Vũng Tàu; Thí điểm nghiên cứu lồng ghép tăng trưởng xanh trong quy hoạch chung thành phố Trà Vinh; hỗ trợ các địa phương tổ chức các Hội nghị tập huấn hướng dẫn và thực hiện lập Báo cáo đánh giá đô thị tăng trưởng xanh tại các đô thị gồm Hà Nội, Vũng Tàu, Đồng Hới, Hải Dương và Bến Tre. Đến nay đã có 18 Tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện xây dựng đô thị tăng trưởng xanh (Cao Bằng, Bắc Kạn, Hòa Bình, Phú Thọ, Bắc Ninh, Hải Phòng, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Bình Định, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Dương, Trà Vinh, An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ).

dữ liệu, số liệu theo bộ chỉ tiêu được khảo sát tại 20 đô thị thí điểm.

5.2. Về hạ tầng kỹ thuật đô thị

- Tập trung nghiên cứu, hoàn thành việc xây dựng Đề án An ninh kinh tế trong lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn; Báo cáo chuyên đề *“Đánh giá việc thực hiện đột phá chiến lược về phát triển kết cấu hạ tầng trong giai đoạn 2011-2020 và các vấn đề đặt ra trong giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch 05 năm 2021-2025”*;

- Hướng dẫn các địa phương rà soát, điều chỉnh các nội dung quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật theo Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019;

- Tiếp tục triển khai Điều chỉnh định hướng cấp nước đô thị và khu công nghiệp; Chương trình quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn giai đoạn 2016 – 2025; Chương trình quốc gia chống thất thoát thất thu nước sạch:

+ Xây dựng Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo đảm cấp nước an toàn; đề xuất xây dựng Đề án Tăng cường quản lý nhà nước về cấp nước an toàn khi thực hiện chủ trương xã hội hóa;

+ Tổ chức các đoàn công tác kiểm tra, đôn đốc nhằm nâng cao năng lực, vai trò, trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với công tác đảm bảo cấp nước an toàn tại địa phương. Trên cả nước có khoảng 40 địa phương thành lập Ban chỉ đạo cấp nước an toàn, xây dựng và thực hiện trên 40 kế hoạch cấp nước an toàn của các hệ thống cấp nước đô thị;

+ Sau sự cố ô nhiễm nguồn nước sông Đà, theo sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng đã xây dựng Kế hoạch kiểm tra tình hình hoạt động của các nhà máy nước sạch để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ và thông tin đầy đủ đến người dân; chủ trì, phối hợp với các Bộ Tài Nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế thực hiện kế hoạch kiểm tra tại 15 tỉnh, thành phố³⁴ về việc chấp hành các quy định pháp luật liên quan đến cấp nước an toàn; về quản lý, kiểm soát nguồn nước; về kiểm soát, quản lý quy trình sản xuất nước sạch; về kiểm soát, quản lý hệ thống phân phối nước sạch và đề xuất các giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh nguồn nước sạch;

+ Tiếp tục chuẩn bị Dự án cấp nước an toàn Đồng bằng Sông Cửu Long; Tổ chức hội thảo “Thực trạng quản lý chất thải rắn và định hướng phát triển công nghệ xử lý chất thải rắn Việt Nam”;

+ Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho BCD, tổ công tác địa phương về thực hiện công tác lập, phê duyệt và triển khai thực hiện kế

34 Tp.Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ; các tỉnh: Bà Rịa Vũng Tàu, Bến Tre, Cà Mau, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Thừa Thiên Huế, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Hòa Bình, Quảng Ninh

hoạch bảo đảm CNAT, giảm thất thoát nước sạch;

+ Nghiên cứu tiêu chí đánh giá hiệu quả về giảm thất thoát thu nước sạch, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn; rà soát, đánh giá việc ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng vật tư trong cấp nước, giảm thất thoát nước; Nhu cầu đầu tư phát triển cấp nước đô thị và nông thôn; Biên soạn tài liệu hướng dẫn giảm thất thoát nước sạch, thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn;

- Tiếp tục triển khai Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp Chất thải rắn, tập trung cho Chương trình đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị giai đoạn 2011-2020: khảo sát, đánh giá công tác thực hiện tại một số địa phương; rà soát, đánh giá một số công nghệ mới đưa vào triển khai thực tế;

- Triển khai Dự án hỗ trợ kỹ thuật “Thoát nước và chống ngập úng tại các đô thị quy mô vừa nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu - Giai đoạn 2” do Cơ quan hợp tác quốc tế Thụy Sĩ thông qua Tổ chức hợp tác quốc tế Đức viện trợ không hoàn lại.

6. Thị trường bất động sản tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ, phát triển tương đối ổn định; không có biến động bất thường, bong bóng

6.1 Về thực hiện các nhiệm vụ được giao, theo dõi, tổng hợp tình hình theo định kỳ hoặc đột xuất về diễn biến thị trường để báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về diễn biến của thị trường bất động sản

Hoàn thành và trình Thủ tướng Chính phủ: Đề án “Đánh giá tình hình thị trường, dự báo xu hướng trung hạn, đề xuất các giải pháp, cơ chế, chính sách để thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh”; Đề án “An ninh kinh tế trong lĩnh vực nhà ở và thị trường BĐS đảm bảo an sinh xã hội”.

Triển khai các nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 23/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh, cụ thể là:

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi một số điều của Luật Nhà ở năm 2014 liên quan đến chính sách về nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức nhà nước có khó khăn về nhà ở; nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản; nghiên cứu các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong công tác cải tạo, xây dựng lại chung cư tại các địa phương.

- Ban hành Quy chuẩn quốc gia về nhà chung cư, trong đó có quy định đối với các loại căn hộ văn phòng, căn hộ du lịch; ban hành Thông tư số 06/2019/TT-BXD ngày 31/10/2019 sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư, kể cả các tòa nhà chung cư hỗn hợp có loại hình căn hộ du lịch - condotel, căn hộ văn phòng - officitel...

- Đôn đốc, chỉ đạo và hướng dẫn các địa phương nhằm đẩy nhanh tiến độ cải

tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ xuống cấp, gây nguy hiểm, hư hỏng nặng³⁵. Tiếp tục làm việc với UBND TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh để đơn đốc thực hiện nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách đặc thù kịp thời tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ³⁶.

- Tham gia góp ý dự thảo Luật Đầu tư (sửa đổi) về các nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục đầu tư đối với các dự án bất động sản để trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ tám (tháng 10/2019).

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản: cập nhật cơ sở dữ liệu trên website: www.batdongsan xaydung.gov.vn; cập nhật các chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương; cập nhật các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nhà ở, thị trường bất động sản của Bộ Xây dựng. Triển khai thực hiện việc công bố thông tin về Nhà ở và thị trường bất động sản theo quy định của Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ, nhằm minh bạch hóa thông tin, đảm bảo sự phát triển ổn định của thị trường, bắt đầu từ quý III/2019, Bộ Xây dựng đã thực hiện công bố thông tin về nhà ở và tình hình thị trường bất động sản theo từng quý trên website của Bộ Xây dựng, Cục Quản lý nhà & TTBDS, báo Xây dựng, báo điện tử vietnamplus.vn, vneconomy.vn,...

6.2 Về tình hình thị trường

Nhìn chung, thị trường bất động sản năm 2019 phát triển tương đối ổn định, kể cả về nguồn cung, số lượng giao dịch, giá cả, dư nợ tín dụng và vốn đầu tư nước ngoài. Cụ thể là:

- Tổng hợp số liệu nguồn cung bất động sản trong năm 2019, số dự án đủ điều kiện bán nhà ở hình thành trong tương lai tại 02 thành phố lớn là 105 dự án, tại TP. Hà Nội có 58 dự án với 31.184 căn chung cư (tăng 20,1% so với năm 2018) và 1.963 căn thấp tầng (giảm 49,1% so với năm 2018); tại TP. Hồ Chí Minh có 47 dự án, với 23.485 căn chung cư (giảm 14,1% so với năm 2018), 1.319 căn thấp tầng (tăng 9,9% so với năm 2018).

- Theo thống kê sơ bộ, năm 2019 số lượng giao dịch tại các dự án bất động sản thuộc các địa phương trọng điểm gồm TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và một số địa phương có thị trường bất động sản phát triển (Khánh Hòa, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Kiên Giang,...) có khoảng 83.136 giao dịch thành công (giảm 26,1% so với

35 Qua kiểm tra cho thấy, việc triển khai thực hiện tại các đô thị còn chậm do các địa phương chưa chủ động, tích cực trong việc bố trí quỹ đất, bố trí quỹ nhà tạm cư, lập và phê duyệt kế hoạch thực hiện trên địa bàn, lập và phê duyệt quy hoạch phân khu 1/2.000, quy hoạch chi tiết 1/500; ngân sách của các địa phương để phục vụ cho hoạt động này còn hạn chế.

36 Tại các đô thị lớn có các khu nhà chung cư cũ tại khu vực nội đô, trung tâm, các khu vực này bị hạn chế tăng dân số, hạn chế chiều cao công trình, dẫn đến dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trong khu vực nội đô không đủ quỹ nhà để bồi thường, tái định cư cho người dân cũng như không có thêm diện tích nhà ở, diện tích sản dịch vụ, thương mại để kinh doanh, đảm bảo hiệu quả dự án. Do vậy, việc khuyến khích doanh nghiệp tham dự án bị hạn chế, gây ách tắc trong quá trình triển khai các dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ,...

năm 2018); số lượng bất động sản nghỉ dưỡng (căn hộ du lịch, biệt thự du lịch) có khoảng 6.280 giao dịch (giảm 20% so với năm 2018).

- Về giá bất động sản năm 2019 có sự thay đổi tại một số khu vực, đặc biệt là thị trường đất nền tại một số địa phương vùng ven đô thị lớn (TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Đông Nam Bộ...); giá nhà chung cư tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có biến động nhưng không lớn, cụ thể:

+ Tại TP. Hà Nội: giá căn hộ chung cư quý IV/2019 tăng khoảng 0,54% so với cùng kỳ năm 2018; giá nhà ở riêng lẻ tăng khoảng 3% so với cùng kỳ năm 2018.

+ Tại TP. Hồ Chí Minh: giá căn hộ chung cư tăng khoảng 3,52% so với cùng kỳ năm 2018; giá nhà ở riêng lẻ tăng khoảng 9% so với cùng kỳ năm 2018.

- Về dư nợ tín dụng bất động sản: Theo báo cáo mới nhất của Ngân hàng Nhà nước, tổng dư nợ tín dụng đối với hoạt động kinh doanh bất động sản quý III/2019 là 486.683 tỷ đồng. Theo đánh giá chung, dư nợ tín dụng BĐS năm 2019 duy trì ổn định so với năm 2018.

- Theo kết quả tổng hợp, đầu tư nước ngoài đối với lĩnh vực bất động sản trong 11 tháng đầu năm 2019 đạt 3,31 tỷ USD, chiếm tỷ lệ 10,4% tổng số vốn đầu tư đăng ký (đứng thứ hai sau lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo).

Trên cơ sở đánh giá, dự báo các yếu tố có khả năng ảnh hưởng lớn đến thị trường bất động sản thì có thể dự báo thị trường bất động sản đến năm 2020 ít có nguy cơ xảy ra “bong bóng bất động sản”. Nhưng có thể tiếp tục xảy ra tình trạng tăng giá đất nền tại các khu vực có quy hoạch trở thành các đặc khu, các khu đô thị mới được đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và tình trạng sốt nóng cục bộ tại các dự án nhà ở trong khu vực trung tâm đô thị có tiến độ thi công nhanh, hạ tầng đồng bộ, chủ đầu tư có uy tín, giá cả phù hợp. Thị trường cũng có thể sụt giảm ở một số phân khúc do cung cầu hoặc không có các giải pháp hiệu quả tháo gỡ khó khăn cho một số dự án bất động sản, nhất là tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

7. Tập trung đẩy mạnh thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, trọng tâm là phát triển nhà ở xã hội nhằm đảm bảo an sinh xã hội

- Triển khai Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở: Bộ Xây dựng đã trình và được Chính phủ ban hành Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 27/6/2019 về việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg. Theo báo cáo của 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tính đến tháng 11/2019, cả nước đã và đang thực hiện hỗ trợ là 337.542 hộ/393.707 hộ (đạt 86% kế hoạch ban đầu và đạt 91,76% theo số cần hộ hỗ trợ thực tế là

367.827 hộ³⁷), trong đó: hoàn thành hỗ trợ cho 324.910 hộ (gồm 153.072 hộ xây mới, 171.838 hộ sửa chữa), đang triển khai thực hiện hỗ trợ cho 12.632 hộ (gồm 6.249 hộ xây dựng mới và 6.383 hộ sửa chữa). Hiện nay, các địa phương đang khẩn trương thực hiện hỗ trợ để kết thúc chương trình trong năm 2019;

- *Chương trình hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo khu vực nông thôn* theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg: Theo số liệu báo cáo của các địa phương và Ngân hàng Chính sách xã hội, tính đến nay, cả nước đã thực hiện hỗ trợ khoảng 102.720/240.000 hộ nghèo vay vốn làm nhà ở, với tổng vốn vay khoảng 2.530 tỷ đồng, đạt 42,8% kế hoạch; nhìn chung tiến độ thực hiện còn chậm so với yêu cầu. Bộ Xây dựng đã nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 33/2019/QĐ-TTg ngày 14/11/2019 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg;

- *Chương trình hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt* theo Quyết định 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014: Theo báo cáo của 13 tỉnh, thành phố tham gia chương trình, tính đến nay, các địa phương này đã thực hiện hỗ trợ được khoảng 17.200/22.500 hộ nghèo xây dựng, sửa chữa nhà ở phòng tránh bão, lụt (đạt 76%), với tổng số vốn đã giải ngân là khoảng 645 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách nhà nước 237 tỷ đồng, vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội là 188 tỷ đồng và các nguồn vốn khác ước tính khoảng 237 tỷ đồng. Hiện nay, có 06/13 địa phương đã hoàn thành việc hỗ trợ, gồm Nghệ An, Khánh Hòa, Phú Yên, Ninh Thuận, Hà Tĩnh và thành phố Đà Nẵng; các địa phương còn lại (Bình Định, Thừa Thiên Huế, Thanh Hóa, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nam và Quảng Ngãi) đang gấp rút hoàn thành chương trình. Dự kiến năm 2020, sẽ thực hiện hỗ trợ 1.500 hộ nghèo hoàn thành xây dựng nhà ở;

- *Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2018-2020* theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 14/6/2018: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng đã nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 14/6/2018 để các địa phương có cơ sở thực hiện đầu tư xây dựng cụm, tuyến dân cư. Theo báo cáo, nhiều địa phương có nhu cầu xây dựng cụm, tuyến dân cư nhưng không bố trí được nguồn vốn do đều là các địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn; chỉ có 04 địa phương (An Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Hậu Giang) đang lập kế hoạch cân đối vốn để đầu tư xây dựng 49 cụm tuyến dân cư để di dời khoảng 13.000 hộ với kinh phí thực hiện khoảng 3.000 tỷ đồng;

- *Về chương trình phát triển ở xã hội cho người thu nhập thấp tại đô thị và công nhân khu công nghiệp*: Tính đến nay, trên địa bàn cả nước đã hoàn thành 207 dự án nhà ở xã hội, quy mô xây dựng khoảng hơn 85.810 căn, với tổng diện tích hơn 4.290.500 m²; đang tiếp tục triển khai 220 dự án, với quy mô xây dựng khoảng 179.640 căn, với tổng diện tích khoảng 8.982.000 m² ³⁸. Trong năm 2019, đã hoàn

37 Theo báo cáo chưa đầy đủ của các địa phương thì số hộ loại khỏi đề án khoảng 25.800 hộ do đó số hộ thực tế cần hỗ trợ là 367.827 hộ

thành 09 dự án nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp, quy mô khoảng 4.110 căn hộ, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 205.500 m²;

Tuy nhiên, kết quả phát triển nhà ở xã hội đã đạt được nêu trên chưa đạt yêu cầu đề ra trong Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (đạt khoảng 34,3% so với mục tiêu đã đề ra trong Chiến lược phân đấu đến năm 2020 xây dựng 12.500.000 m² nhà ở xã hội). Theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng đã có báo cáo về tình hình quy hoạch và khai thác, sử dụng quỹ đất đô thị dành để phát triển nhà ở xã hội³⁹;

Theo báo cáo tại 60/63 địa phương⁴⁰, hiện có 2.256 dự án phát triển nhà ở thương mại, dự án đầu tư phát triển đô thị với tổng diện tích đất là 43.783 ha thì chỉ có 1.040 dự án dành quỹ đất để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội với tổng diện tích đất đã bố trí phát triển nhà ở xã hội là 3.359 ha (đạt 36,34% so với nhu cầu phát triển nhà ở xã hội đến năm 2020), còn lại 1.216 dự án chưa thực hiện nghĩa vụ dành quỹ đất cho nhà ở xã hội⁴¹ hoặc thực hiện nghĩa vụ nhà ở xã hội theo hình thức nộp tiền⁴². Trong số 1.040 dự án có tới 507 dự án nhà ở xã hội độc lập⁴³ với tổng diện tích 1.375,66 ha (chiếm 40,95%); 367 dự án quy mô diện tích đất lớn hơn 10ha tại đô thị loại III trở lên dành 1.601,07ha (chiếm 47,66%)⁴⁴; 119 dự án dưới 10ha tại đô thị loại III trở lên dành 167,53ha (chiếm 4,99%) và 47 dự án tại đô thị loại IV,V dành quỹ 214,81ha (chiếm 6,4%) đất đã xây dựng nhà ở xã hội.

8. Công tác quản lý nhà nước về vật liệu xây dựng tiếp tục được tăng cường, thị trường vật liệu xây dựng phát triển tương đối ổn định, đảm bảo cân đối cung cầu

- Hoàn thành, trình Thủ tướng Chính phủ Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 và Nhiệm vụ lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Tiếp tục nghiên cứu đề án Lộ trình dùng sử dụng amiăng trắng để chấm

38 Chương trình phát triển nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại khu vực đô thị: đã hoàn thành 107 dự án, quy mô xây dựng khoảng 44.810 căn hộ, với tổng diện tích khoảng 2.240.500 m². Đang tiếp tục triển khai 147 dự án, quy mô xây dựng khoảng 91.240 căn hộ, với tổng diện tích khoảng 4.562.000 m²; *Chương trình phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân khu công nghiệp*: Đến nay đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng 100 dự án, tương đương khoảng 41.000 căn hộ, với tổng diện tích 2.050.000 m². Đang tiếp tục triển khai 73 dự án với quy mô xây dựng khoảng 88.400 căn hộ, tổng diện tích 4.420.000 m².

39 Theo đó, đã đề xuất, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ: Chỉ đạo UBND các tỉnh, thành phố quan tâm, chỉ đạo phát triển nhà ở xã hội; sử dụng đúng khoản tiền các chủ đầu tư nộp tương đương giá trị quỹ đất 20% để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; giao Bộ Xây dựng thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các chủ đầu tư không thực hiện đúng theo quy định; sửa đổi, bổ sung Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 về phát triển và quản lý nhà ở xã hội,...

40 Có 03 địa phương chưa báo cáo: Bà Rịa – Vũng Tàu, Long An, Hậu Giang.

41 Có 212 dự án trên 10 ha.

42 Có 919 dự án dưới 10 ha và 85 dự án đô thị loại IV,V.

43 Trong đó tại Hà Nội có 57 dự án (467 ha), Tp.Hồ Chí Minh có 41 dự án (133,12 ha), Hải phòng có 15 dự án (52,8 ha), Đà Nẵng có 15 dự án (6,07 ha), Cần Thơ có 02 dự án (1,08 ha), các địa phương khác có 377 dự án (1.203,47 ha)

44 Trong đó tại Hà Nội có 24 dự án (116,79 ha, tương đương 24.252 căn hộ), Tp.Hồ Chí Minh có 35 dự án (336,2 ha, tương đương 48.454 căn hộ), các địa phương khác có 308 dự án (1.149 ha).

dứt sản xuất tấm lợp amiăng vào năm 2023.

- Hoàn thành rà soát, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về các quy hoạch sản phẩm thuộc lĩnh vực vật liệu xây dựng⁴⁵ và các vấn đề phát sinh trong công tác quản lý nhà nước⁴⁶, đề xuất một số giải pháp quản lý thay thế cho quy hoạch sản phẩm vật liệu xây dựng khi hết hiệu lực theo quy định của Luật Quy hoạch⁴⁷.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chương trình phát triển vật liệu xây không nung, Đề án Nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng phục vụ các công trình ven biển và hải đảo đến 2025 theo Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 25/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng theo Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 12/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ:

+ Tập trung nghiên cứu đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh tiêu thụ tro, xỉ làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng. Hiện cả nước có 25 cơ sở nhiệt điện đốt than, lượng phát thải tro xỉ khoảng 13 triệu tấn/năm, thạch cao khoảng 0,4 triệu tấn/năm, trong năm 2019, tiêu thụ khoảng 11-13 triệu tấn tro, xỉ, thạch cao.

+ Đã ban hành đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật về xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao sử dụng làm nguyên liệu sản xuất VLXD và trong công trình xây dựng, bao gồm: 19 Tiêu chuẩn, 01 Quy

45 Theo đó các quy hoạch sẽ hết hiệu lực kể từ ngày 31/12/2018 gồm: 02 Quy hoạch thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ: Quy hoạch tổng thể phát triển VLXD Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014) và Quy hoạch phát triển công nghiệp xi măng Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 29/8/2011); 02 Quy hoạch thuộc thẩm quyền Bộ Xây dựng: Quy hoạch phát triển vật liệu gốm xây dựng và đá ốp lát ở Việt Nam đến năm 2020 (Quyết định số 1586/QĐ-BXD ngày 30/12/2014) và Quy hoạch phát triển công nghiệp vôi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 507/QĐ-BXD ngày 27/4/2015); các Quy hoạch thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh: Quy hoạch phát triển VLXD của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do UBND cấp tỉnh phê duyệt.

46 Khi các quy hoạch hết hiệu lực có các vấn đề phát sinh: (1) Về đầu tư: cơ quan quản lý thiếu thông tin để cấp phép đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu VLXD của địa phương và toàn quốc, dẫn đến khủng hoảng thừa, thiếu VLXD; (2) Về xác định nhu cầu nguyên liệu để đáp ứng sản xuất VLXD: không còn căn cứ để tính toán trữ lượng khoáng sản cần thăm dò, khai thác và chế biến để lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm VLXD theo quy định của Luật Quy hoạch; (3) Về định hướng công nghệ trong phát triển VLXD: định hướng ưu tiên phát triển công nghệ tiên tiến, loại bỏ công nghệ lạc hậu trong sản xuất VLXD sẽ gặp khó khăn; (4) Về thống nhất quản lý nhà nước về VLXD trên toàn quốc: các Quy hoạch do địa phương phê duyệt thể hiện những nội dung về phát triển VLXD phù hợp với nhu cầu, năng lực, thuận lợi, khó khăn và định hướng phát triển kinh tế xã hội của từng địa phương, tuy nhiên vẫn phải đảm bảo yếu tố thống nhất với quy hoạch VLXD toàn quốc. Khi các quy hoạch sản phẩm VLXD hết hiệu lực sẽ không có cơ sở pháp lý để tổ chức quản lý về VLXD, đặc biệt có thể phát sinh tình trạng doanh nghiệp đầu tư tràn lan không theo quy hoạch gây mất cân đối cung-cầu, ảnh hưởng đến phát triển bền vững của địa phương và của ngành, gây lãng phí nguồn lực xã hội.

47 Giải pháp, đề xuất, kiến nghị: Bộ Xây dựng nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050; Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao cho các địa phương xây dựng Chiến lược phát triển VLXD phù hợp với Chiến lược phát triển VLXD toàn quốc.

chuẩn và 7 Chỉ dẫn kỹ thuật, 03 định mức kinh tế kỹ thuật⁴⁸.

- Thực hiện kiểm tra công tác quản lý chất lượng vật liệu xây dựng tại các địa phương, tại các cơ sở được chỉ định thực hiện công tác hợp quy; việc chấp hành các quy định của pháp luật trong việc sử dụng amiang trắng để sản xuất tập lợp fibro xi măng tại các đơn vị sản xuất tập lợp.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung danh mục vật tư xây dựng trong nước đã sản xuất được nhằm kiểm soát các mặt hàng nhập khẩu, hạn chế nhập khẩu các mặt hàng trong nước đã sản xuất được; xử lý kịp thời các vướng mắc về khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm nguyên liệu xi măng, cũng như giải đáp kịp thời các kiến nghị của các địa phương, doanh nghiệp về vật liệu xây dựng thông thường...

- Tiếp tục kiểm soát, thúc đẩy thị trường vật liệu xây dựng phát triển ổn định, đảm bảo cân đối cung cầu, nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu nội địa, từng bước đẩy mạnh xuất khẩu, bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên. Phối hợp với các Bộ, Ngành, có những điều chỉnh kịp thời để đảm bảo có đủ nguyên liệu cho các nhà máy xi măng hoạt động ổn định và sử dụng hợp lý khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cho các dự án xây dựng.

Thị trường vật liệu xây dựng trong năm 2019 nhìn chung ổn định, cân đối cung cầu thị trường cơ bản được đảm bảo. Tình hình sản xuất và tiêu thụ một số loại VLXD chủ yếu như sau:

+ *Xi măng*⁴⁹: khoảng 98 triệu tấn, tăng hơn 3% so với năm 2018 (trong nước tiêu thụ 66 triệu tấn; xuất khẩu 32 triệu tấn);

+ *Gạch ốp lát*⁵⁰: khoảng 730 triệu m², tăng 8% so với năm 2018;

+ *Sứ vệ sinh*⁵¹: khoảng 17,9 triệu sản phẩm, tăng 7% so với năm 2018;

+ *Kính xây dựng*⁵²: khoảng 265 triệu m², tương đương so với năm 2018;

+ *Vôi*⁵³: trên 2,5 triệu tấn, tương đương năm 2018;

48 Như: Phụ gia cho xi măng, bê tông, vữa; Gạch xây không nung; Vật liệu san lấp, Gia cố đất; Làm nền đường ô tô; Tấm thạch cao.

49 Hiện cả nước có 82 dây chuyền sản xuất xi măng (sản xuất clanke) với tổng công suất 97,64 triệu tấn xi măng/năm; tất cả các dây chuyền đều sản xuất theo phương pháp khô, lò quay, tháp trao đổi nhiệt bằng xycon là loại công nghệ tiên tiến trên thế giới. Tuy nhiên hiện có 29 dây chuyền đã đầu tư từ lâu (trên 10 năm), cải tạo từ lò đứng, công suất nhỏ, công nghệ lạc hậu từ Trung Quốc.

50 Công nghệ và thiết bị ngày càng được đầu tư đồng bộ, tiến tiến, hiện đại với modul công suất lớn đủ năng lực để sản xuất các sản phẩm gạch ốp lát với chủng loại đa dạng như gạch ceramic, gạch granit, gạch cotto, gạch mosaic có kích thước lớn, sản phẩm mỏng, trọng lượng nhẹ; màu sắc hoa văn phong phú,... Tổng công suất thiết kế khoảng 842 triệu sản phẩm/năm. Năm 2019, có 03 dây chuyền mới đi vào hoạt động.

51 Một số đơn vị đã đầu tư nghiên cứu, sản xuất men phủ nano chống khuẩn, có khả năng làm sạch cao; đầu tư phát triển các phụ kiện đồng bộ hiện đại, góp phần tăng giá trị sử dụng, giá trị thẩm mỹ và giá trị của sản phẩm. Tổng công suất thiết kế khoảng 18 triệu sản phẩm/năm.

52 Đã tôi nhiệt được kính có chiều dày 5÷19 mm, khổ lớn nhất 2800mm×700mm; kính dán an toàn có chiều dày 6,38÷25,52mm, khổ lớn nhất 2134mm×3048mm; kính siêu trắng có chiều dày 2÷19mm, khổ lớn nhất 2134 mm×4600mm.

+ *Đá ốp lát*⁵⁴: trên 18 triệu m²; *tấm lợp fibro xi măng*: khoảng 40 triệu m², giảm 28% so với năm 2018;

+ *Gạch không nung*⁵⁵: 6 tỷ viên (QTC), giảm 2 tỷ viên so với năm 2018, chiếm 23% tổng sản lượng gạch xây;

+ *Gạch nung*⁵⁶: 20 tỷ viên (QTC), tăng 2 tỷ viên so với năm 2018, chiếm 77% tổng sản lượng gạch xây.

9. Công tác tái cơ cấu, cổ phần hóa các doanh nghiệp được tập trung chỉ đạo thực hiện

Tăng cường, đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa DNNN và thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước, Bộ Xây dựng đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đã rà soát, xây dựng tiến độ (điều chỉnh), đã đề xuất và được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận, phê duyệt Danh mục doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa đến hết năm 2020 đối với Tổng công ty HUD và VICEM.

Về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước: đã hoàn thành phê duyệt Phương án sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của TCT HUD đến năm 2020, định hướng đến năm 2025 và Đề án tái cơ cấu Tổng công ty VICEM giai đoạn 2019-2025.

Về công tác cổ phần hóa: tiếp tục tập trung thực hiện hiện cổ phần hóa 02 DNNN là VICEM và HUD.

- *Đối với VICEM*: thuộc danh mục thực hiện CPH đến hết năm 2020, Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 65% vốn điều lệ theo Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ; đã hoàn thành công tác xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 0h ngày 01/10/2018; tiếp tục thực hiện phương án sắp xếp, xử lý cơ sở nhà, đất; phương án sử dụng đất và giá đất tại một số dự án theo nội dung kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về kết quả tư vấn định giá và xử lý tài chính trước khi công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa VICEM.

- *Đối với Tổng công ty HUD*: thuộc danh mục thực hiện CPH đến hết năm 2020, Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống hoặc không nắm giữ theo Quyết định số 26/2019/QĐ-TTg ngày 15/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ; đang thực hiện sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; làm việc với các địa phương về phương án sử dụng đất và giá đất theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

53 Tổng công suất các lò vôi công nghiệp (33 lò) là 2,7 triệu tấn/năm. Đến nay, đã xóa bỏ được 95% lò vôi thủ công.

54 Hiện có 210 dây chuyền sản xuất với tổng công suất đạt trên 20 triệu m²; nhìn chung về công nghệ phần lớn đạt tiên tiến hiện đại, tuy nhiên vẫn còn một số cơ sở quy mô nhỏ, chưa được đầu tư đồng bộ.

55 Hiện có 1.641 cơ sở sản xuất với tổng công suất thiết kế đạt 12,6 tỷ viên/năm.

56 Hiện có 2.057 cơ sở sản xuất với tổng công suất thiết kế đạt 21,09 tỷ viên/năm, trong đó có 718 lò tuy nơen với công suất thiết kế đạt 15,02 tỷ viên.

Công tác quyết toán vốn nhà nước bàn giao sang công ty cổ phần: Hiện còn 10 Tổng công ty ⁵⁷ đã chuyển sang hoạt động sang công ty cổ phần, nhưng chưa hoàn thành công tác quyết toán vốn nhà nước bàn giao sang công ty cổ phần. Bộ Xây dựng đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét và có ý kiến với Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán quyết toán giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Đến nay, Kiểm toán Nhà nước đã hoàn thành kiểm toán tại 08 Tổng công ty và có ý kiến đối với 02 Tổng công ty là VNCC và COMA. Trong đó, COMA chưa đủ điều kiện quyết toán do chưa hoàn thành xử lý các tồn tại về đất đai, tài chính.

Sau khi có ý kiến của Kiểm toán Nhà nước, Bộ Xây dựng đã rà soát hồ sơ, chỉ đạo các Tổng công ty, phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước. Về cơ bản, đến nay các Tổng công ty đã hoàn thành xong các kiến nghị về xử lý tài chính, hiện đang tiếp tục phối hợp với các địa phương để hoàn thiện phương án sử dụng đất và giá đất cụ thể để xác định giá trị quyền sử dụng đất theo quy định.

Công tác thoái vốn: đã thực hiện thoái thành công giảm vốn nhà nước về 38,58% tại Tổng công ty VIGLACERA⁵⁸; báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục giao Bộ Xây dựng thực hiện thoái vốn nhà nước tại TCT IDICO trong năm 2019; các TCT còn lại⁵⁹, cơ bản đã hoàn thành định giá doanh nghiệp để thoái vốn, tuy nhiên đang chờ kết quả rà soát theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 05/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

Bộ Xây dựng đã chấp thuận chủ trương cho các Tổng công ty, Người đại diện phần vốn nhà nước thực hiện thoái vốn tại 11 công ty con⁶⁰, công ty liên kết; thực hiện thoái vốn thành công tại 08 đơn vị⁶¹ với giá trị thoái 434,15 tỷ đồng, thu về 434,23 tỷ đồng.

Tình hình hoạt động SXKD của các DNNN, doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước do Bộ Xây dựng làm đại diện chủ sở hữu:

Theo báo cáo của các Tổng công ty, năm 2019, tổng giá trị sản xuất kinh doanh của 13 doanh nghiệp⁶² ước đạt 112.848 tỷ đồng, đạt 96,4% kế hoạch năm

57 10 TCT gồm: SÔNG ĐÀ, IDICO, VIGLACERA, CC1, FICO, VIWASEEN, LILAMA, XÂY DỰNG HÀ NỘI, VNCC, COMA.

58 Đã thực hiện đấu giá công khai vào 8h30 ngày 29/3/2019 tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Kết quả: đã thoái thành công 69.000.000 cổ phần, tương đương 15,39% vốn điều lệ, với giá đấu thành công là 23.000 đồng/cổ phần; Nhà nước thu về 1.587 tỷ đồng. Sau thoái vốn, Nhà nước còn nắm giữ 38,58% vốn điều lệ tại Viglacera.

59 Gồm: VIWASEEN, VNCC, Xây dựng Hà Nội, FICO, CC1, COMA, LILAMA, SÔNG HỒNG và SÔNG ĐÀ.

60 Gồm các Công ty: (1) Các công ty thuộc Tổng công ty LILAMA: LILAMA 8, LILAMA 10, LILAMA 69-3, LIMAMA LISEMCO, LILAMA 18, LILAMA 69-1; (2) Các công ty thuộc Tổng công ty VIWASEEN: VIWASEEN 6, WASECO; (3) Các công ty thuộc Tổng công ty VIGLACERA: Vinafacade; tăng vốn điều lệ tại CTCP sử Viglacera Thanh Trì và CTCP Việt Trì Viglacera.

61 Gồm: Sông Đà thoái vốn tại Sông Đà 11; LILAMA tại Công ty TNHH Tư vấn thiết kế CIMAS, LILAMA 69.1, LILAMA 69-2, LILAMA 18, LILAMA 10, LILAMA 69.3, CTCP LISEMCO.

62 Gồm: VICEM, HUD, SÔNG ĐÀ, LILAMA, Hancorp, VIGLACERA, VIWASEEN, COMA, VNCC, SÔNG HỒNG, CC1, FICO và IDICO.

2019, bằng 95,7% so với năm 2018, trong đó:

- Giá trị xây lắp: 33.235 tỷ đồng, đạt 104,5% so kế hoạch năm 2019, bằng 87,1% so với năm 2018;

- Giá trị sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng: 53.540 tỷ đồng, đạt 114,1% so kế hoạch năm 2019, bằng 108,6% so với năm 2018;

- Giá trị tư vấn: 1.176 tỷ đồng, đạt 100,9% so kế hoạch năm 2019, bằng 106,6% so với năm 2018;

- Giá trị sản xuất kinh doanh khác: 24.898 tỷ đồng, đạt 67% so kế hoạch năm 2019, bằng 84,7% so với năm 2018.

Nhìn chung, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của các doanh nghiệp thuộc Bộ về cơ bản đã đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, cụ thể:

- 06/13 Tổng công ty có tổng giá trị sản xuất kinh doanh đạt và vượt so kế hoạch năm 2019: Viglacera đạt 18.320 tỷ đồng (102%), Sông Đà đạt 10.067 tỷ đồng (101%), CC1 đạt 8.940,2 tỷ đồng (108%), IDICO đạt 6.354,1 tỷ đồng (102%), VNCC đạt 861,5 tỷ đồng (105%), Sông Hồng⁽⁶³⁾ đạt 99,4 tỷ đồng (145%);

- 04/13 Tổng công ty có tổng giá trị sản xuất kinh doanh đạt trên 90% so với kế hoạch năm 2019: VICEM đạt 36.090 tỷ đồng⁽⁶⁴⁾ (96%), HUD đạt 9.643 tỷ đồng (94%), LILAMA đạt 11.124 tỷ đồng (93%), COMA đạt 447,3 tỷ đồng (91%).

- 03/13 Tổng công ty có tổng giá trị sản xuất kinh doanh đạt từ 78% đến 86% so kế hoạch năm 2019: Hancorp đạt 4.150 tỷ đồng (86%), VIWASEEN đạt 2.034,8 tỷ đồng (80%) và FiCO đạt 4.723,8 tỷ đồng (78%).

10. Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập

Có 37 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng, trong đó có 08 đơn vị (02 trường, 02 viện, 03 đơn vị báo chí và xuất bản, Ban quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành) đang trong quá trình thực hiện cơ chế tự chủ tự bảo đảm chi hoạt động thường xuyên, 29 đơn vị còn lại thực hiện cơ chế tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên. Hiện, Bộ đang xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ.

Triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo các đơn vị: phân cấp mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ cho các đơn vị trực thuộc theo quy định; xây dựng đề án sử dụng tài sản công vào mục đích sản xuất kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết trình

⁶³ Tình hình tài chính, hoạt động của DN đang rất khó khăn. Năm 2019, Tổng công ty Sông Hồng đặt ra mục tiêu kế hoạch cho năm 2019 rất thấp (142 tỷ đồng);

⁶⁴ VICEM: tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2019 ước đạt 36.090 tỷ đồng, riêng giá trị sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng (lĩnh vực hoạt động chính) đạt 30.610 tỷ đồng, đạt 102,7% so kế hoạch

Bộ phê duyệt; xây dựng tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động đặc thù; xây dựng tiêu chuẩn, định mức diện tích chuyên dùng; nghiêm túc thực hiện Chương trình hành động về tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;....

Về hoạt động của các đơn vị thuộc khối đào tạo:

Các đơn vị đã tích cực xây dựng, đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo, cập nhật cơ chế, chính sách mới. Kết quả tuyển sinh năm 2019 về cơ bản đều đạt hoặc vượt so với chỉ tiêu kế hoạch⁶⁵. Một số trường có kết quả tuyển sinh đạt cao như: Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng xây dựng số 1, Trường Cao đẳng xây dựng TP. Hồ Chí Minh, Trường Cao đẳng công nghệ quốc tế Lilama 2...

Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cho các đối tượng quản lý nhà nước, khối doanh nghiệp, quản lý dự án..., Học viện Cán bộ QLXD và đô thị đã tổ chức được 318 lớp với số lượng trên 19 nghìn học viên. Triển khai thực hiện Đề án 1961, đã tổ chức 121 lớp với số lượng 6.580 học viên.

Các đơn vị khối khoa học công nghệ: Đang từng bước đổi mới cơ chế tài chính, thực hiện kinh phí tự chủ gắn với thực hiện nhiệm vụ thường xuyên; chủ động tham gia vào công tác phục vụ quản lý nhà nước của Bộ, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu để thực hiện cơ chế tự chủ. Tổng giá trị sản xuất kinh doanh, dịch vụ năm 2019 của các Viện là 950 tỷ đồng, đạt 114,5% kế hoạch (830 tỷ đồng)⁶⁶.

Các đơn vị khối y tế: kết quả khám, chữa bệnh đều đạt và vượt kế hoạch. Hiện có khoảng 90.681 người có thẻ BHYT đăng ký khám chữa bệnh tại 02 Bệnh viện (Bệnh viện Xây dựng: 74.681 thẻ, Bệnh viện Xây dựng Việt Trì: 16.000 thẻ); công suất sử dụng giường bệnh đạt 81,2% đến 93,1% so với chỉ tiêu và số lượng giường bệnh hiện có; đã trực tiếp khám bệnh cho 379.415 lượt người; tổ chức đo môi trường lao động cho 33 đơn vị với tổng số 8.795 mẫu đo, có 1.134 mẫu vượt tiêu chuẩn vệ sinh lao động cho phép; khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho 36 đơn vị với 6.198 người,...

Các đơn vị thuộc khối thông tin, báo, tạp chí, xuất bản: đã thực hiện tốt chức năng tuyên truyền, phổ biến văn bản pháp luật, cơ chế chính sách quản lý nhà nước, thông tin về các hoạt động của ngành Xây dựng và các đơn vị trong Ngành;

65 Trình độ sau đại học: 575/575 sinh viên, đạt 100% kế hoạch; Đại học: 5.665 sinh viên/5.635 sinh viên, đạt 105% kế hoạch; Cao đẳng: 4.025 /4.165 sinh viên, đạt 96,6% kế hoạch; Trung cấp: 6.722/6.535 học sinh, đạt 102,9% kế hoạch; sơ cấp nghề: 10.360 /8.055 học sinh, đạt 128,6% kế hoạch; Đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn: 11.360/9.360 học sinh, đạt 121,4% kế hoạch.

66 Cụ thể: Viện Khoa học công nghệ xây dựng: 550 tỷ đồng, đạt 112,24% kế hoạch (490 tỷ đồng); Viện Vật liệu xây dựng: 81 tỷ đồng, đạt 95,3% kế hoạch (85 tỷ đồng); Viện Kinh tế xây dựng: 18 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch (20 tỷ đồng); Viện Kiến trúc quốc gia: 75 tỷ đồng, đạt 115,4% kế hoạch (65 tỷ đồng); Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia: 210 tỷ đồng, đạt 140% kế hoạch (150 tỷ đồng); Viện Quy hoạch xây dựng miền Nam: 16 tỷ đồng, đạt 80% kế hoạch (20 tỷ đồng).

tích cực triển khai các nhiệm vụ xây dựng Chính phủ điện tử.

11. Các lĩnh vực công tác khác

11.1. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ hoạt động khoa học công nghệ

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4⁶⁷; Chương trình nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính phủ điện tử thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ.

Trong năm 2019, có 273 nhiệm vụ, đề tài KHCN được triển khai với tổng kinh phí 219,56 tỷ đồng, trong đó có 132 nhiệm vụ mở mới (tổng kinh phí 175,62 tỷ đồng) và 141 nhiệm vụ chuyển tiếp (tổng kinh phí 43,94 tỷ đồng). Hiện các nhiệm vụ đề tài đang được triển khai theo đúng tiến độ.

Đã kết thúc các chương trình khoa học công nghệ trọng điểm như: Nghiên cứu xây dựng thực nghiệm công trình trên biển đảo; Nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng sử dụng tro, xỉ, thạch cao đã qua xử lý từ các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất phân bón và các cơ sở công nghiệp phát thải khác; Nghiên cứu phát triển vật liệu xây và cấu kiện không nung cho công trình xây dựng đến 2020; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ, vật liệu tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo trong các công trình xây dựng và thúc đẩy phát triển công trình xanh. ,;.

11.2. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

Căn cứ các tiêu chí về xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm theo Quyết định số 917/QĐ-BXD ngày 05/11/2019⁶⁸, Bộ Xây dựng đã ban hành Kế hoạch thanh tra năm 2020 đảm bảo trọng tâm, phục vụ trực tiếp các nhiệm vụ chính trị của Ngành Xây dựng. Trong năm 2019, Thanh tra Bộ đã thực hiện hoàn thành 46 đoàn thanh tra gồm: 43 đoàn thanh tra theo kế hoạch 2019 và 03 đoàn thanh tra đột xuất theo nhiệm vụ được giao.

Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được xử lý kịp thời, triệt để; trong năm 2019 đã tiếp 117 lượt công dân, 04 đoàn đông người; tiếp nhận và xử lý 481 đơn; ban hành 196 văn bản liên quan đến kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của người dân và tổ chức.

Bộ Xây dựng cũng thường xuyên chỉ đạo, quán triệt lực lượng thanh tra thực hiện nghiêm các nội dung của Chỉ thị số 769/CT-TTCT ngày 17/5/2019 của Tổng

⁶⁷ Đang thực hiện nghiên cứu các nhiệm vụ: ứng dụng mô hình thông tin công trình Bim, Chính sách phát triển đô thị thông minh đáp ứng yêu cầu chủ động tham CMCN 4.0 của Việt Nam; triển khai các nhiệm vụ liên quan đến Chính phủ điện tử...

⁶⁸ Về thanh tra hành chính: Từ 02 đến 03 đoàn/một năm; nội dung thanh tra: việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn được giao tại các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng; Về thanh tra chuyên ngành: 01 Bộ (ngành) và 03 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương/một năm. Nội dung thanh tra: *Đối với Bộ (ngành)*: Công tác quản lý hoạt động đầu tư xây dựng của Bộ (ngành) và thanh tra tại một số dự án tổng mức đầu tư khoảng trên 100 tỷ đồng. *Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh*: Công tác quản lý nhà nước Ngành Xây dựng của Ủy ban nhân dân tỉnh (không thanh tra trực tiếp đối với UBND cấp xã).

Thanh tra Chính phủ và các quy định về phòng, chống tham nhũng; đã ban hành và thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại các đơn vị thuộc Bộ.

Sau khi xảy ra vụ việc một số cán bộ thanh tra Bộ vi phạm pháp luật tại Vĩnh Phúc, Bộ đã tập trung chỉ đạo quyết liệt các giải pháp trước mắt và lâu dài để xây dựng đội ngũ cán bộ thanh tra trong sạch, vững mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Thanh tra Bộ. Hiện vụ việc đang được các cơ quan chức năng giải quyết theo quy định của pháp luật.

11.3. Về hợp tác quốc tế

Năm 2019, Bộ Xây dựng đã đón khoảng 180 đoàn khách quốc tế, tổ chức 15 đoàn ra của Lãnh đạo Bộ; tổ chức 02 hội thảo quốc tế: “Hội thảo Cơ hội đầu tư kinh doanh tại Cuba cho các doanh nghiệp Việt Nam” phối hợp với Bộ Ngoại thương và Đầu tư nước ngoài, Cuba và “Hội thảo về phòng chống thiên tai” phối hợp với tỉnh Kochi, Nhật Bản.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng tiếp tục thực hiện tốt vai trò là Chủ tịch Phân ban Việt Nam trong UBLCP với các nước Cuba, Angieri và Libi; tham gia tích cực các kỳ họp Ủy ban liên Chính phủ, Ủy ban hỗn hợp Việt Nam với các nước: Lào, Campuchia, Hàn Quốc, Nhật Bản, EU, Nga,...

Đã đảm nhận vị trí Chủ tịch Hội đồng Kiến trúc sư ASEAN nhiệm kỳ 2017 – 2019; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xúc tiến triển khai thực hiện các Thỏa thuận lẫn nhau (MRA) về Dịch vụ tư vấn kỹ thuật và Dịch vụ Kiến trúc. Hiện ngành Xây dựng có 262 kỹ sư và 24 kiến trúc sư đạt tiêu chuẩn ASEAN.

Đã chủ động ban hành các quy định: Quy chế quản lý hoạt động đối ngoại của Bộ Xây dựng; Quy định về sử dụng và quản lý hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ của cán bộ, công chức và viên chức quản lý thuộc Bộ Xây dựng. Đã ký kết 03 Thỏa thuận quốc tế: (1) “Kế hoạch hợp tác giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Xây dựng, Nhà ở và Dịch vụ công cộng Cộng hòa liên bang Nga giai đoạn 2019 – 2024”; (2) “Bản Ghi nhớ hợp tác trong lĩnh vực xây dựng” giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ Xây dựng, Nhà ở và Dịch vụ công cộng Cộng hòa liên bang Nga; “Biên bản Kỳ họp thứ 37 UBLCP Việt Nam – Cuba” giữa Bộ trưởng Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Ngoại thương và Đầu tư nước ngoài Cuba (đồng Chủ tịch phân ban hai nước).

11.4. Về quản lý các dự án đầu tư sử dụng vốn NSNN và các dự án ODA, nhiệm vụ điều tra cơ bản

Trong năm 2019, tổng số vốn Bộ Xây dựng được giao quản lý là 250 tỷ đồng đã được phân bổ cho 10 dự án⁶⁹, tập trung vốn chủ yếu cho dự án ĐTXD

69 Trong đó có 02 dự án trả nợ vốn ứng trước, 03 dự án hoàn thành trong năm 2019, 03 dự án chuyển tiếp và 02 dự án khởi công mới.

công trình Nhà Quốc hội (145 tỷ đồng), trả nợ vốn ứng trước là 21 tỷ đồng (Dự án Nhà ở công vụ, Dự án ĐTXD Bảo tàng lịch sử quốc gia) còn lại bố trí cho các dự án hoàn thành và chuyển tiếp trong năm 2019.

Tính đến ngày 20/12/2019 giá trị giải ngân vốn đầu tư công đạt 156,6 tỷ đồng/250 tỷ đồng, đạt 61% kế hoạch năm 2019, dự kiến kết quả giải ngân đến hết 31/01/2020 đạt 100% kế hoạch vốn năm 2019.

Trong năm 2019, có 26 dự án ODA được triển khai, trong đó 13 dự án chuyển tiếp và 13 dự án chuẩn bị, mở mới với nguồn vốn đối ứng là 42,22 tỷ đồng⁷⁰, nguồn vốn nước ngoài là 81,506 tỷ đồng⁷¹. Các dự án đang thực hiện đúng theo mục tiêu đề ra.

Đối với các dự án điều tra cơ bản, thiết kế điển hình và sự nghiệp kinh tế khác, trong năm 2019, Bộ Xây dựng đang thực hiện quản lý 66 dự án với tổng kinh phí 29,835 tỷ đồng, trong đó có 23 nhiệm vụ chuyển tiếp (kinh phí 11,48 tỷ đồng) và 43 nhiệm vụ mở mới (kinh phí 18,355 tỷ đồng). Hầu hết các dự án đang được các đơn vị triển khai thực hiện theo tiến độ.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

(1) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng, Lãnh đạo Bộ đã bám sát các nhiệm vụ trong các Chương trình, kế hoạch năm 2019, các nhiệm vụ được giao tại các phiên họp thường kỳ của Chính phủ và các nhiệm vụ đột xuất khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao,

(2) Đã chủ động nắm bắt những vấn đề trọng tâm, nổi cộm để kịp thời chỉ đạo đúng và trúng các vấn đề nóng của ngành Xây dựng như việc: chấn chỉnh công tác quy hoạch xây dựng, quản lý phát triển đô thị, các giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản, vấn đề condotel, officetel, các thủ tục hành chính, chính phủ điện tử... Công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực thi pháp luật ngành Xây dựng tại các địa phương được tăng cường.

(3) Tính kỷ luật, kỷ cương, tác phong, lề lối làm việc, tinh thần, đạo đức, trách nhiệm công vụ của các cán bộ ngày càng được nâng cao. Công tác phối hợp với các Bộ, ban, ngành và địa phương cũng được quan tâm hơn, duy trì thường xuyên và bảo đảm kịp thời.

(4) Công tác quản lý nhà nước ngành Xây dựng đã có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế, xây dựng hệ thống công cụ để phục vụ

70 Vốn bố trí cho 13 dự án chuyển tiếp: 47,27 tỷ đồng; vốn bố trí cho 13 dự án chuẩn bị và mở mới: 3,98 tỷ đồng.

71 Bố trí thực hiện 05 dự án ODA, trong đó vốn vay: 58.610 triệu đồng; vốn viện trợ bằng tiền: 22.896 triệu đồng.

cho công tác quản lý nhà nước ngành Xây dựng luôn được coi là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt và được đặc biệt quan tâm, tập trung chỉ đạo thực hiện.

2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

(1) Tiến độ soạn thảo một số văn bản QPPL và một số Đề án còn chậm so với kế hoạch; việc theo dõi, đánh giá tác động của cơ chế, chính sách có nội dung chưa đáp ứng được yêu cầu. Tình trạng thực thi nhiệm vụ chậm muộn mặc dù đã có chuyển biến nhưng vẫn diễn ra phổ biến; có trường hợp chậm muộn do các nguyên nhân bất khả kháng nhưng cũng có các nguyên nhân chủ quan, không đáng có.

Nguyên nhân: Sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc soạn thảo, góp ý văn bản còn chưa chặt chẽ, kịp thời. Một số đơn vị chưa thực sự quyết liệt trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công; chưa lập kế hoạch công tác năm 2019 theo yêu cầu của Lãnh đạo Bộ. Việc theo dõi thực tiễn, nắm bắt tình hình QLNN ngành Xây dựng tại các địa phương chưa được chú trọng, quan tâm đúng mức và chưa có giải pháp thực hiện phù hợp.

(2) Công tác quản lý nhà nước về quy hoạch và phát triển đô thị được tăng cường nhưng chưa tạo nhiều chuyển biến rõ nét.

Chất lượng một số đồ án quy hoạch còn chưa cao, chưa đảm bảo về tầm nhìn, định hướng, thiếu tính kết nối, đồng bộ, việc kiểm soát tăng cao, mật độ dân số tại các đô thị lớn chưa hiệu quả. Công tác kiểm soát quản lý phát triển đô thị tại nhiều địa phương thực hiện chưa nghiêm. Tình trạng vi phạm trật tự xây dựng vẫn xảy ra ở một số địa phương.

Nguyên nhân: Việc thực hiện các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các chỉ đạo mới của Chính phủ về vấn đề này mới được thực hiện chưa lâu. Việc kiểm tra, đôn đốc của Bộ Xây dựng chưa đủ mạnh do hạn chế về chỉ tiêu biên chế và nguồn lực thực hiện. Chưa thực hiện tốt, thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, chưa có chế tài xử lý phù hợp; còn có tình trạng buông lỏng quản lý, thiếu quyết liệt trong việc xử lý các vi phạm. Ý thức chấp hành pháp luật của một số chủ thể tham gia các hoạt động đầu tư xây dựng và một bộ phận người dân chưa cao.

(3) Thị trường bất động sản có dấu hiệu thiếu hụt nguồn cung không chỉ ở phân khúc nhà ở xã hội. Nguyên nhân là nhiều dự án ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh đang phải tạm dừng phục vụ thanh tra, kiểm tra hoặc đang vướng thủ tục. Bộ Xây dựng đang tích cực đôn đốc, phối hợp với các địa phương tháo gỡ.

Tình trạng hoạt động kinh doanh bất động sản vi phạm quy định pháp luật (quảng cáo, thông tin không đúng sự thật để tăng giá, vi phạm quy hoạch, chia lô, bán nền trái quy định...) xảy ra tương đối phổ biến.

(4) Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh BĐS đã được ban hành tương đối đầy đủ, nhưng còn chồng chéo, thiếu cụ

thể, khó áp dụng trong thực tiễn. Một số nội dung liên quan đến chế độ sử dụng đất, thời hạn sử dụng đất, quy chuẩn, tiêu chuẩn đối với một số loại hình bất động sản đa năng (căn hộ du lịch, biệt thự du lịch, căn hộ văn phòng...) chậm được ban hành.

(5) Nhà ở xã hội phát triển chậm, số lượng dự án đưa vào sử dụng năm 2019 rất ít. Nguồn vốn ưu đãi của Nhà nước để hỗ trợ chính sách nhà ở xã hội gặp nhiều khó khăn (chưa có nguồn vốn bố trí cấp bù lãi suất cho vay cho 04 ngân hàng thương mại phụ trách cho vay nhà ở xã hội). Bộ Xây dựng vẫn đang tích cực tham mưu, báo cáo Chính phủ để tháo gỡ vấn đề này nhưng kết quả chưa như mong muốn.

(6) Vật liệu xây dựng không nung phát triển chậm. Tiến độ thúc đẩy xử lý tro xỉ, phế thải công nghiệp làm thạch cao và vật liệu xây dựng chậm, sản lượng xử lý thấp so với kế hoạch đề ra.

Nguyên nhân: do các chính sách ưu đãi trong đầu tư sản xuất vật liệu xây không nung đã được ban hành nhưng tại nhiều địa phương vẫn chưa được thực hiện, doanh nghiệp đầu tư chưa tiếp cận được để hưởng ưu đãi. Một số địa phương chưa xây dựng lộ trình xóa bỏ lò gạch thủ công, thủ công cải tiến, lò đứng liên tục, lò vòng sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

(7) Công tác cổ phần hóa DNNN và thoái vốn nhà nước chưa đáp ứng tiến độ, chưa đạt được kế hoạch theo yêu cầu.

Nguyên nhân: chủ yếu là do vướng mắc, lúng túng trong việc thực hiện sắp xếp, xử lý cơ sở nhà, đất đối với tài sản công, đặc biệt đối với các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh bất động sản; xác định phương án sử dụng đất và giá đất; xác định lợi thế quyền thuê đất, lợi thế đối với đất thuê đang thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất để làm dự án kinh doanh nhưng chưa hoàn thành việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

B. CÁC MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG KẾ HOẠCH NĂM 2020

I. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU NĂM 2020

- Giá trị sản xuất xây dựng toàn Ngành (theo giá hiện hành) tăng khoảng 9% - 10% so với năm 2019.
- Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40%.
- Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt khoảng 90%.
- Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt khoảng 86,5-87%.
- Tỷ lệ thoát nước, thoát thu nước sạch còn 18%.
- Diện tích bình quân nhà ở toàn quốc đạt khoảng 24,0 m²/sản/người; tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt khoảng 95%, nhà thiếu kiên cố và đơn sơ khoảng 5%.

- Sản lượng sản phẩm xi măng khoảng 103 triệu tấn.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế

- Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản QPPL năm 2020 đảm bảo tiến độ, chất lượng, nâng cao chất lượng văn bản QPPL, trong đó:

+ Tập trung hoàn thiện dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2014 trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIV; dự thảo Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng để hướng dẫn Luật sau khi được Quốc hội thông qua.

+ Tiếp tục nghiên cứu hoàn chỉnh Dự án Luật Quản lý phát triển đô thị; nghiên cứu, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Cấp nước; hoàn thành nghiên cứu, đề xuất sửa đổi một số điều của Luật Nhà ở năm 2014 liên quan đến chính sách về nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 26-NQ/TW Hội nghị lần thứ và Ban Chấp hành Trung ương khóa XII; nghiên cứu, hoàn thiện dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

+ Tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai Luật Kiến trúc; hoàn thành nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ Nghị định hướng dẫn Luật Kiến trúc và ban hành theo thẩm quyền các Thông tư hướng dẫn. Tổ chức rà soát các văn bản QPPL, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ban hành có liên quan đến Luật Kiến trúc báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Nghiên cứu, hoàn thành xây dựng Định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ.

+ Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan tới hoạt động quy hoạch xây dựng và quản lý kiến trúc đảm bảo tính nghiêm khắc để thiết lập kỷ cương trong công tác quản lý phát triển đô thị.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan xây dựng các chính sách về quản lý đầu tư, đấu thầu, các mô hình đầu tư, đặc biệt là hình thức hợp tác công tư (PPP) làm cơ sở để triển khai các công trình đầu tư xây dựng trong thời gian tới.

- Tiếp tục rà soát các văn bản QPPL còn hiệu lực nhưng không còn được áp dụng trên thực tế kịp thời phát hiện những bất cập, vướng mắc, chủ động đề xuất, xử lý, sửa đổi, bổ sung.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách, rà soát, kiểm soát các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025; Tiếp tục hoàn thiện bộ phận một cửa

liên thông, đảm bảo cho người dân và doanh nghiệp giao dịch thuận lợi.

2. Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng

- Tiếp tục rà soát, xây dựng phương án cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh trong hoạt động xây dựng; giải quyết kịp thời các vướng mắc trong công tác thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán, quản lý dự án, cấp chứng chỉ năng lực, cấp phép xây dựng;

- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất các giải pháp để nâng hạng chỉ số Cấp phép xây dựng.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát chất lượng công trình xây dựng, nhất là các dự án sử dụng vốn nhà nước; công tác kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý an toàn lao động và vệ sinh môi trường của các chủ thể trong các khâu khảo sát, thiết kế, thi công, nghiệm thu, bảo hành và bảo trì công trình, việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử, hoàn thiện hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4 trong các lĩnh vực: cấp giấy phép xây dựng, cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng, chứng chỉ hành nghề xây dựng.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng, Đề án Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng và Đề án BIM. Triển khai thực hiện Đề án An ninh kinh tế trong đảm bảo chất lượng, tiến độ các dự án, công trình trọng điểm Quốc gia sau khi được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

3. Công tác quản lý quy hoạch kiến trúc

- Tổ chức lập Quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn quốc gia thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050 sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ, đảm bảo tiến độ. Tổ chức lập, thẩm định hợp phần quy hoạch xây dựng để tích hợp vào Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương lập, hình thành nội dung quy hoạch xây dựng trong Quy hoạch tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện công tác thẩm định và hoàn thiện báo cáo thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ các đề án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh; Quy hoạch chung đô thị... theo chức năng được giao.

- Tập trung rà soát việc áp dụng Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy

hoạch xây dựng trong các đồ án Quy hoạch xây dựng: hoàn thành Quý I/2020

- Tổ chức nghiên cứu đổi mới công tác lý luận, phương pháp xây dựng quy hoạch; tăng cường công tác nghiên cứu, lý luận về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị trên cơ sở phân tích thực tiễn trong nước và tham khảo kinh nghiệm quốc tế.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới; Chỉ đạo rà soát nâng cao chất lượng quy hoạch xây dựng nông thôn mới; Tiếp tục triển khai Đề án xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn cấp huyện.

- Chỉ đạo hướng dẫn các địa phương triển khai điều chỉnh quy hoạch chung ở các đô thị phù hợp với tốc độ phát triển đô thị, tốc độ phát triển kinh tế xã hội ở các địa phương. Tập trung đẩy mạnh tốc độ lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết ở các đô thị. Đẩy mạnh việc gắn kế hoạch đầu tư phát triển đô thị với quy hoạch xây dựng nhằm thu hút vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, nhà ở và đất đai, bảo vệ môi trường, đặc biệt là ở các đô thị lớn và các vùng kinh tế trọng điểm theo kế hoạch đã đề ra.

4. Công tác phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật đô thị

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện khung định hướng phát triển hệ thống đô thị quốc gia giai đoạn 2021 – 2030, đồng thời xây dựng các công cụ pháp lý về công tác quản lý phát triển đô thị.

- Đánh giá tổng kết thực hiện Chương trình phát triển đô thị quốc gia giai đoạn 2012 – 2020 và xây dựng kế hoạch triển khai giai đoạn 2021-2030.

- Tập trung thực hiện, hoàn thành các nghiên cứu về xây dựng khung chính sách đối với công tác quản lý phát triển đô thị tăng trưởng xanh, thông minh, ứng phó với biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện tại Việt Nam;

- Tiếp tục nghiên cứu xây dựng, điều chỉnh các định hướng, chiến lược, đề án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật giai đoạn 2021-2030. Tổ chức lập các chương trình, dự án đầu tư nâng cấp đô thị, tăng trưởng xanh, thông minh, ứng phó với biến đổi khí hậu cho giai đoạn 2020 - 2025 và các giai đoạn tiếp theo trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm cơ sở quản lý hiệu quả các nguồn lực của đô thị, hướng tới phát triển đô thị ổn định, bền vững.

- Tổ chức thực hiện các Đề án: “Đổi mới phương pháp luận quy hoạch và quản lý phát triển đô thị”; “Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách và các công cụ để quản lý, kiểm soát hiệu quả quá trình phát triển đô thị”; “An ninh kinh tế trong lĩnh vực cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải rắn”;

- Tiếp tục triển khai Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp; Chương trình Quốc gia bảo đảm cấp nước an toàn; Chương trình Quốc gia chống thất thoát thất thu nước sạch; Định hướng thoát nước đô thị và khu công

nghiệp; Điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050:

+ Tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị về tăng cường công tác bảo đảm cấp nước an toàn sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành; rà soát, bổ sung quy định về điều kiện năng lực doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch trong văn bản quy phạm pháp luật về sản xuất và cung cấp nước sạch; quy định chứng nhận công trình cấp nước đạt kết quả về thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

+ Nghiên cứu xây dựng Đề án tăng cường quản lý nhà nước về cấp nước khi thực hiện chủ trương xã hội hóa, trong đó, tập trung xây dựng các giải pháp, thể chế pháp luật quản lý về cấp nước (an ninh cấp nước, quản lý rủi ro, kiểm soát tài sản công trình cấp nước, kiểm soát giá nước sạch);

- Tiếp tục rà soát, cập nhật hoàn thiện cơ sở dữ liệu đô thị; Tiếp tục triển khai thực hiện và quản lý các dự án sử dụng nguồn vốn ODA và các nguồn vốn khác; Xúc tiến dự án hợp tác mới; tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững về nước sạch và vệ sinh;

5. Quản lý phát triển nhà ở và thị trường bất động sản

- Tiếp tục đôn đốc, triển khai Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội đồng thời, triển khai có hiệu quả các Chương trình, chính sách về nhà ở; phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về vốn, cơ chế chính sách các chương trình hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách.

- Theo dõi sát diễn biến, thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình thị trường bất động sản; tăng cường kiểm soát thị trường bất động sản, bảo đảm ổn định, tăng trưởng bền vững, hiệu quả, hạn chế tối đa các biểu hiện cực đoan; tiếp tục đôn đốc các địa phương báo cáo tình hình, tổng hợp các ý kiến góp ý, đề xuất của các địa phương để có giải pháp, kiến nghị với Chính phủ nhằm đảm bảo thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

- Thực hiện tái cơ cấu thị trường bất động sản, gắn với thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia, đặc biệt là nhà ở xã hội; khắc phục lệch pha cung - cầu, phát triển đa dạng các loại hàng hóa bất động sản nhà ở; đẩy mạnh phát triển phân khúc nhà ở xã hội khu vực đô thị, nhà ở cho công nhân, nhà ở xã hội cho thuê; tiếp tục nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách, mô hình hợp lý để huy động các nguồn lực; kiểm soát chặt chẽ việc quy hoạch và khai thác, sử dụng hiệu quả quỹ đất đô thị dành cho phát triển nhà ở xã hội.

- Hoàn thành Quy chế về quản lý vận hành loại hình văn phòng kết hợp lưu

trú ngắn hạn(officetel).

- Tiếp tục rà soát, đánh giá các khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai chính sách trong công tác cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ, từ đó nghiên cứu, đề xuất cơ chế tháo gỡ nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Thực hiện các nội dung thuộc Dự án “Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam trong giai đoạn 2021-2030”.

- Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát các địa phương trọng điểm trong việc triển khai các dự án phát triển nhà ở, dự án khu đô thị, dự án bất động sản du lịch nghỉ dưỡng có quy mô lớn, sử dụng nhiều diện tích đất để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các vi phạm quy định của pháp luật.

6. Quản lý, phát triển vật liệu xây dựng

- Tổ chức lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo tiến độ đề ra;

- Tổ chức triển khai “Chiến lược phát triển Vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

- Hoàn thành trình Thủ tướng Chính phủ “*Đề án An ninh kinh tế trong lĩnh vực vật liệu xây dựng*”;

- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách liên quan đến lĩnh vực vật liệu xây dựng và khoáng sản làm vật liệu xây dựng gắn với giải pháp phát triển ổn định, bền vững, sử dụng vật liệu thay thế, vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường; vật liệu cho khu vực biển đảo; quản lý tốt việc đánh giá hợp quy, chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng để vừa bảo vệ sản xuất trong nước, vừa quản lý tốt các vật liệu nhập khẩu.

- Tiếp tục theo dõi, nắm chắc diễn biến thị trường vật liệu xây dựng, bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường, đặc biệt là các vật liệu chủ yếu.

- Tiếp tục tập trung thực hiện có hiệu quả Đề án đẩy mạnh xử lý, sử dụng tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng; Đề án Nghiên cứu phát triển vật liệu xây dựng phục vụ các công trình ven biển và hải đảo đến 2025;

- Tổng kết tình hình thực hiện Chương trình phát triển vật liệu xây không nung đến năm 2020 và Đề án xử lý tro, xỉ, thạch cao của các nhà máy nhiệt điện, nhà máy hóa chất, phân bón làm nguyên liệu sản xuất vật liệu xây dựng và trong các công trình xây dựng

7. Thực hiện kế hoạch tái cơ cấu, cổ phần hóa các doanh nghiệp

và đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp trực thuộc

- Đẩy mạnh công tác cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước tại VICEM, HUD;
- Hoàn thành quyết toán vốn nhà nước bàn giao sang công ty cổ phần đổi với các Tổng công ty đã cổ phần hóa. Tiếp tục thực hiện thoái vốn nhà nước hoặc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu về SCIC tại các Tổng công ty – CTCP trong giai đoạn 2019-2020 theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1232/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
- Tiếp tục chỉ đạo các Tổng công ty, Người đại diện vốn tại các Tổng công ty - CTCP thực hiện công tác sắp xếp, thoái vốn các danh mục đầu tư tại các Công ty con, công ty liên kết... theo nội dung Phương án được duyệt, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn nhà nước, công khai, minh bạch, không làm thất thoát tài sản, vốn của Nhà nước và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.
- Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tài chính, tài sản, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của các đơn vị sự nghiệp. Tiếp tục triển khai Chương trình hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-TW về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và Kế hoạch thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Các nhiệm vụ khác

- Tập trung tổ chức thực hiện các đề án, đề tài, nhiệm vụ khoa học trong kế hoạch năm 2020 đảm bảo chất lượng, tiến độ. Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển khoa học công nghệ đến năm 2020, tầm nhìn 2030; hoàn thành nghiên cứu, xây dựng Chiến lược phát triển khoa học công nghệ giai đoạn 2021 - 2030. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, tiên tiến trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ.
- Tiếp tục tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tiếp tục đẩy mạnh CCHC, cải cách công vụ, rà soát, kiểm soát các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng. Tiếp tục hoàn thiện bộ phận một cửa liên thông, đảm bảo cho người dân và doanh nghiệp giao dịch thuận lợi. Chủ động cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về các hoạt động của ngành Xây dựng và những vấn đề dư luận quan tâm.
- Tăng cường chỉ đạo, định hướng đối với hoạt động thanh tra, xây dựng kế hoạch thanh tra sát với thực tế và yêu cầu nhiệm vụ; nghiên cứu, bổ sung các quy định nhằm hoàn thiện công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng, nhằm chấn chỉnh, xử lý kịp thời các thiếu sót, vi phạm trong hoạt động thanh tra. Tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tập trung rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, phức tạp và các vụ việc mới

phát sinh. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại một số đơn vị trực thuộc Bộ.

- Tích cực tham gia vào tiến trình hội nhập kinh tế theo lộ trình cam kết của Chính phủ và của Ngành; mở rộng và thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương và đa phương; tiếp tục hỗ trợ các đơn vị thuộc ngành mở rộng cơ hội hợp tác quốc tế, tìm kiếm cơ hội hợp tác nghiên cứu, thương mại, đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tại nước bạn hoặc nước thứ ba; Tích cực vận động tài trợ ODA và vốn vay ưu đãi cho các dự án, chương trình thuộc các lĩnh vực ưu tiên của Bộ và của nhà tài trợ.

BỘ XÂY DỰNG

In 200 cuốn khổ 20,5×29,7cm, tại xưởng in Nhà xuất bản Xây dựng số 10 Hoa Lư - Hà Nội.